

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

CHƯƠNG TRÌNH: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG; TIẾNG
ANH BÀN PHẦN (CLC)

Mã ngành: 7340201

(Áp dụng từ khóa tuyển sinh 2024...)

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 05 năm 2024

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Ban hành kèm Quyết định số: 2069/QĐ-ĐHNH, ngày 02 tháng 7 năm 2024
của Hiệu trưởng trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)

- Tên chương trình (Tiếng Việt): **Tài chính – Ngân hàng; tiếng Anh bán phần (CLC)**
- Tên chương trình (Tiếng Anh): **Finance and Banking, partial English program (High-quality)**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Ngành đào tạo: **Tài chính – Ngân hàng**
- Mã ngành¹: **7340201**
- Hình thức đào tạo: **Chính quy tập trung**
- Chuẩn đầu vào: **Thực hiện theo đề án tuyển sinh**
- Thời gian đào tạo (theo thiết kế): **04 năm (08 học kỳ)**
- Thời điểm cập nhật bản chương trình đào tạo: **tháng 6 năm 2024**

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives – PO):

1.1. Mục tiêu chung: (PO)

Sinh viên tốt nghiệp chương trình Tài chính – Ngân hàng; tiếng Anh bán phần (CLC) nắm vững kiến thức nền tảng hiện đại về kinh tế nói chung, kiến thức chuyên sâu về tài chính ngân hàng nói riêng; Có phẩm chất đạo đức tốt; Có năng lực nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp thuộc lĩnh vực tài chính ngân hàng trong trong bối cảnh hội nhập quốc tế và kỷ nguyên số.

1.2. Mục tiêu cụ thể: (POi)

PO1. Có khả năng vận dụng kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật và kiến thức chuyên sâu về nghề nghiệp để thực hiện các công việc trong lĩnh vực ngành nghề được đào tạo

¹ Mã ngành được ghi theo bảng mã ngành được Bộ Giáo dục và đào tạo quy định.

PO2. Thể hiện phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp và khả năng định hướng phát triển nghề nghiệp thích nghi với thay đổi của môi trường kinh tế, xã hội, hội nhập quốc tế

PO3. Thể hiện kỹ năng tư duy, sáng tạo, phản biện, cộng tác làm việc nhóm giao tiếp chuyên nghiệp khi thực hiện các hoạt động nghề nghiệp

PO4. Có năng lực về ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng với môi trường làm việc chuyên nghiệp và hội nhập

PO5. Có năng lực nghề nghiệp và nắm bắt xu hướng thay đổi trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và công nghệ tài chính nhằm đáp ứng với môi trường làm việc chuyên nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và kỷ nguyên số

2. Chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs) và Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện (Performance Indicator – PIn):

Người học khi tốt nghiệp chương trình Tài chính – Ngân hàng; tiếng Anh bán phần (CLC) của Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh có khả năng:

Ký hiệu CĐR (PLOs)	Ký hiệu CSDG (PIn)	PLO/PI	Mức độ đạt được ²	Ghi chú
PLO1		Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để vận dụng vào những vấn đề cuộc sống và trong các hoạt động nghề nghiệp.	3	
	PI 1.1	Vận dụng phù hợp kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật phù hợp với bối cảnh xã hội và nghề nghiệp.	3	
	PI 1.2	Có khả năng áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên vào tính toán, thiết kế, phân tích, lập luận và giải thích các vấn đề trong lĩnh vực nghề nghiệp.	3	

² Theo thang đo năng lực Bloom

Ký hiệu CDR (PLOs)	Ký hiệu CSĐG (PIIn)	PLO/PI	Mức độ đạt được ²	Ghi chú
PLO2		Có khả năng vận dụng tư duy phản biện trong giải quyết các vấn đề nghề nghiệp.	4	
	PI 2.1	Khả năng phân tích thông tin, đánh giá các lựa chọn và đưa ra quyết định thông qua quá trình suy luận và phản biện.	4	
	PI 2.2	Khả năng xác định các vấn đề trong tình huống nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề	4	
PLO3		Có năng lực làm việc theo nhóm, truyền đạt hiệu quả trong điều kiện làm việc thay đổi và môi trường hội nhập quốc tế.	4	
	PI 3.1	Hình thành, triển khai hoàn thành công việc trong nhóm, ứng xử phù hợp và phát triển tinh thần trách nhiệm trong nhóm.	4	
	PI 3.2	Thực hiện các hoạt động truyền đạt hiệu quả trong môi trường công việc và môi trường hội nhập quốc tế.	4	
PLO4		Thể hiện tính chủ động, tích cực trong học tập nghiên cứu và quản lý các nguồn lực cá nhân, đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời.	4	
	PI 4.1	Có khả năng tổ chức và quản lý các nguồn lực cá nhân để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.	4	
	PI 4.2	Tham gia, thể hiện tinh thần học tập, nghiên cứu và thích ứng của cá nhân đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời.	4	
PLO5		Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, có thái độ hành xử chuyên nghiệp và trách nhiệm xã hội, cộng đồng	4	
	PI 5.1	Tuân thủ các quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức trong lĩnh vực nghề nghiệp.	4	

Ký hiệu CDR (PLOs)	Ký hiệu CSĐG (PIIn)	PLO/PI	Mức độ đạt được ²	Ghi chú
	PI 5.2	Thể hiện sự chuyên nghiệp trong giao tiếp, ứng xử, và quản lý tình huống trong môi trường nghề nghiệp.	4	
	PI 5.3	Đóng góp và thể hiện trách nhiệm xã hội, cộng đồng và có tinh thần khởi nghiệp.	4	
PLO6		Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng và chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn	4	
	PI 6.1	Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng để giải quyết các vấn đề chuyên môn	4	
	PI 6.2	Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn	4	
PLO7		Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành và liên ngành	4	
	PI 7.1	Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành	4	
	PI 7.2	Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực liên ngành	4	
PLO8		Có khả năng thích ứng với các xu hướng thay đổi trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	4	
	PI 8.1	Xác định các xu hướng hiện tại và mới nổi trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	4	
	PI 8.2	Phân tích rủi ro, cơ hội liên quan đến việc thay đổi xu hướng trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	4	

Ký hiệu CĐR (PLOs)	Ký hiệu CSĐG (PI _n)	PLO/PI	Mức độ đạt được ²	Ghi chú
PLO9		Khả năng sử dụng Tiếng Anh tối thiểu tương đương chuẩn trình độ trung cấp bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDT)	4	
PL10		Có kiến thức công nghệ thông tin nâng cao để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	4	
	<i>PI</i> <i>10.1</i>	Biết sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực nghề nghiệp.	3	
	<i>PI</i> <i>10.2</i>	Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	4	
PLO11		Có khả năng đánh giá đối với các sản phẩm, việc ứng dụng các giải pháp công nghệ, mô hình kinh doanh và/hoặc quản trị rủi ro trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng	5	
	<i>PI</i> <i>11.1</i>	Đánh giá, cho ý kiến nhận xét đối với các sản phẩm trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng	5	
	<i>PI</i> <i>11.2</i>	Đánh giá, dự báo xu hướng ứng dụng các giải pháp công nghệ trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng	5	
	<i>PI</i> <i>11.3</i>	Đánh giá, khuyến nghị cải tiến các mô hình kinh doanh và/hoặc quản trị rủi ro trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng	5	

3. Ma trận quan hệ giữa Mục tiêu (POi) và Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs):

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ở bảng bên dưới cho thấy rằng sinh viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

Mục tiêu của CTĐT (POi)		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)										
		(Đánh dấu X vào ô có liên quan)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Mục tiêu chung:												
Sinh viên tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng; tiếng Anh bán phần (CLC) nắm vững kiến thức nền tảng hiện đại về kinh tế nói chung, kiến thức chuyên sâu về tài chính ngân hàng nói riêng; Có phẩm chất đạo đức tốt; Có năng lực nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp thuộc lĩnh vực tài chính ngân hàng trong hội nhập quốc tế và kỷ nguyên số.												
Mục tiêu cụ thể:												
PO1	Có khả năng vận dụng kiến thức về toán học, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật và kiến thức chuyên sâu về nghề nghiệp để thực hiện các công việc trong lĩnh vực ngành nghề được đào tạo	X					X	X				X
PO2	Thể hiện phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp và khả năng định hướng phát triển nghề nghiệp thích nghi với thay đổi của môi trường kinh tế, xã hội, hội nhập quốc tế.				X	X						
PO3	Thể hiện kỹ năng tư duy, sáng tạo, phản biện, cộng tác làm việc nhóm giao tiếp chuyên nghiệp khi thực hiện các hoạt động nghề nghiệp.		X	X								

Mục tiêu của CTĐT (POi)		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) (Đánh dấu X vào ô có liên quan)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
PO4	Có năng lực về ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng với môi trường làm việc chuyên nghiệp và hội nhập									X	X	
PO5	Có năng lực nghề nghiệp và nắm bắt xu hướng thay đổi trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và công nghệ tài chính nhằm đáp ứng với môi trường làm việc chuyên nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và kỷ nguyên số						X	X	X			X

Ma trận thể hiện sự tương thích giữa POs, PLOs và PIs.³

PO	PLO	PI
PO1. Có khả năng vận dụng kiến thức về toán học, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và	PLO1. Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để vận dụng vào những vấn đề cuộc sống và trong các hoạt động nghề nghiệp.	PI 1.1 Vận dụng phù hợp kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật phù hợp với bối cảnh xã hội và nghề nghiệp.
		PI 1.2 Có khả năng áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên vào tính toán, thiết kế, phân tích, lập luận và giải thích các vấn đề trong lĩnh vực nghề nghiệp.

³ Đối sánh để quan sát tính phù hợp với mỗi mục tiêu cụ thể (PO) được thể hiện thông qua CDR CTĐT (PLO) và Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện (PI)

PO	PLO	PI
pháp luật và kiến thức chuyên sâu về nghề nghiệp để thực hiện các công việc trong lĩnh vực ngành nghề được đào tạo	PLO6. Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng và chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn	PI 6.1 Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng để giải quyết các vấn đề chuyên môn
		PI 6.2 Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn
	PLO7. Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành và liên ngành	PI 7.1 Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành
		PI 7.2 Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực liên ngành
	PLO11. Có khả năng đánh giá đối với các sản phẩm, việc ứng dụng các giải pháp công nghệ, mô hình kinh doanh và/hoặc quản trị rủi ro trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng	PI 11.1 Đánh giá, cho ý kiến nhận xét đối với các sản phẩm trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng
		PI 11.2 Đánh giá, dự báo xu hướng ứng dụng các giải pháp công nghệ trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng
		PI 11.3 Đánh giá, khuyến nghị cải tiến các mô hình kinh doanh và/hoặc quản trị rủi ro trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng
PO2 Thể hiện phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp và khả năng định hướng phát triển nghề nghiệp thích nghi với thay đổi	PLO4. Thể hiện tính chủ động, tích cực trong học tập nghiên cứu và quản lý các nguồn lực cá nhân, đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời.	PI 4.1 Có khả năng tổ chức và quản lý các nguồn lực cá nhân để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
		PI 4.2 Tham gia, thể hiện tinh thần học tập, nghiên cứu và thích ứng của cá nhân đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời.
	PLO5. Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp,	PI 5.1 Tuân thủ các quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức trong lĩnh vực nghề nghiệp.

PO	PLO	PI
của môi trường kinh tế, xã hội, hội nhập quốc tế.	có thái độ hành xử chuyên nghiệp và trách nhiệm xã hội, cộng đồng	PI 5.2 Thể hiện sự chuyên nghiệp trong giao tiếp, ứng xử, và quản lý tình huống trong môi trường nghề nghiệp.
		PI 5.3 Đóng góp và thể hiện trách nhiệm xã hội, cộng đồng và có tinh thần khởi nghiệp.
PO3 Thể hiện kỹ năng tư duy, sáng tạo, phản biện, cộng tác làm việc nhóm giao tiếp chuyên nghiệp khi thực hiện các hoạt động nghề nghiệp.	PLO2. Có khả năng vận dụng tư duy phản biện trong giải quyết các vấn đề nghề nghiệp.	PI 2.1 Khả năng phân tích thông tin, đánh giá các lựa chọn và đưa ra quyết định thông qua quá trình suy luận và phản biện.
		PI 2.2 Khả năng xác định các vấn đề trong tình huống nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề
	PLO3. Có năng lực làm việc theo nhóm, truyền đạt hiệu quả trong điều kiện làm việc thay đổi và môi trường hội nhập quốc tế.	PI 3.1 Hình thành, triển khai hoàn thành công việc trong nhóm, ứng xử phù hợp và phát triển tinh thần trách nhiệm trong nhóm.
		PI 3.2 Thực hiện các hoạt động truyền đạt hiệu quả trong môi trường công việc và môi trường hội nhập quốc tế.
PO4 Có năng lực về ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng với môi trường làm việc chuyên nghiệp và hội nhập	PLO9. Khả năng sử dụng Tiếng Anh tối thiểu tương đương chuẩn trình độ trung cấp bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDT)	
	PLO10. Có kiến thức công nghệ thông tin nâng cao để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	PI 10.1 Biết sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực nghề nghiệp.
		PI 10.2 Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.

PO	PLO	PI
PO5 Có năng lực nghề nghiệp và nắm bắt xu hướng thay đổi trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và công nghệ tài chính nhằm đáp ứng với môi trường làm việc chuyên nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và kỷ nguyên số	PLO6. Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng và chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn	PI 6.1 Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng để giải quyết các vấn đề chuyên môn
		PI 6.2 Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn
	PLO7. Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành và liên ngành	PI 7.1 Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành
		PI 7.2 Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực liên ngành
	PLO8. Có khả năng thích ứng với các xu hướng thay đổi trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	PI 8.1 Xác định các xu hướng hiện tại và mới nổi trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.
		PI 8.2 Phân tích rủi ro, cơ hội liên quan đến việc thay đổi xu hướng trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.
	PLO11. Có khả năng đánh giá đối với các sản phẩm, việc ứng dụng các giải pháp công nghệ, mô hình kinh doanh và/hoặc quản trị rủi ro trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng	PI 11.1 Đánh giá, cho ý kiến nhận xét đối với các sản phẩm trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng
		PI 11.2 Đánh giá, dự báo xu hướng ứng dụng các giải pháp công nghệ trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng
		PI 11.3 Đánh giá, khuyến nghị cải tiến các mô hình kinh doanh và/hoặc quản trị rủi ro trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng

4. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam:

Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) (Đánh dấu X vào ô có liên quan)										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Kiến thức:											

Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) <i>(Đánh dấu X vào ô có liên quan)</i>										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
KT1	Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.	X										X
KT2	Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật	X										
KT3	Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.										X	
KT4	Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.						X	X	X			X
KT5	Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	X					X	X				X
Kỹ năng:												
KN1	Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.		X	X								X
KN2	Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.			X		X						
KN3	Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong		X									

Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) (Đánh dấu X vào ô có liên quan)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.											
KN4	Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.			X	X							
KN5	Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.			X				X	X			
KN6	Có năng lực ngoại ngữ bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.									X		
Mức độ tự chủ và trách nhiệm:												
TCTN1	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.			X	X							
TCTN2	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực			X			X	X	X			X

Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) (Đánh dấu X vào ô có liên quan)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	hiện nhiệm vụ xác định.											
TCTN3	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.				X		X	X	X			X
TCTN4	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.				X		X	X	X			X

5. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp:

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo Tài chính – Ngân hàng; tiếng Anh bán phần (CLC) có năng lực giải quyết các vấn đề tài chính của doanh nghiệp và các chủ thể khác, thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh của các định chế tài chính (ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng khác, công chứng khoán, công ty bảo hiểm, quỹ đầu tư...).

Các vị trí công việc điển hình bao gồm: Chuyên viên tư vấn tài chính, Chuyên viên thẩm định tín dụng, Chuyên viên thanh toán quốc tế, Chuyên viên quản lý nguồn vốn, Chuyên viên môi giới chứng khoán, Chuyên viên phân tích và quản trị tài chính, Chuyên viên đầu tư tài chính.

Bên cạnh đó, với chương trình đào tạo được tích hợp nhiều môn học có liên quan đến công nghệ tài chính, sinh viên cũng có thể tham gia vào các nhóm công việc liên quan đến lĩnh vực công nghệ tài chính và nghiên cứu như: Chuyên viên công nghệ tài chính tham gia phát triển công nghệ tài chính và sản phẩm dịch vụ tài chính mới tại các định chế tài chính như các ngân hàng thương mại, công ty tài chính và công ty chứng khoán. Chuyên viên hoạch định chiến lược với nhiệm vụ tham gia quản lý và kiểm soát hệ thống tài chính tại các cơ

quan quản lý tài chính nhà nước Việt Nam và các định chế tài chính quốc tế. Chuyên viên nghiên cứu tại các viện nghiên cứu phát triển công nghệ, các công ty phát triển công nghệ, các công ty công nghệ tài chính, các công ty phát triển phần mềm và các công ty cung ứng dịch vụ cho thị trường tài chính. Tự khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ tài chính: phát triển, thẩm định, triển khai và quản lý các dự án khởi nghiệp công nghệ tài chính. Giảng viên và nghiên cứu viên trong lĩnh vực công nghệ tài chính tại các trường đại học, viện nghiên cứu.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

Sinh viên sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Tài chính – Ngân hàng; tiếng Anh bán phần (CLC) sẽ có khả năng tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp, cũng như rèn luyện phẩm chất đạo đức.

7. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

Tổng số tín chỉ của Chương trình đào tạo là 124 tín chỉ, cộng với học phần giáo dục thể chất (05 tín chỉ) và giáo dục quốc phòng – an ninh (08 tín chỉ). Bên cạnh đó, Chương trình đào tạo tăng cường gồm 08 tín chỉ kỹ năng mềm và tối đa 28 tín chỉ tiếng Anh tăng cường.

Các học phần giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng – an ninh được tính vào tổng số tín chỉ tích lũy, nhưng không tính vào điểm trung bình tích lũy học tập của sinh viên. Việc tích lũy đạt các học phần này là điều kiện để xét đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Điểm số của các học phần trong Chương trình giáo dục đại cương và chuyên nghiệp là căn cứ để tính điểm bình quân tích lũy và xếp loại tốt nghiệp.

Các học phần trong CTĐT được tổ chức giảng dạy trực tiếp và trực tuyến (online) đảm bảo số tín chỉ giảng dạy trực tuyến không vượt quá 30% tổng số lượng tín chỉ toàn chương trình đào tạo

8. Đối tượng tuyển sinh:

Đối tượng tuyển sinh phải có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Thí sinh đăng ký tuyển sinh/xét tuyển vào chương trình đại học chính quy chất lượng cao trong đợt tuyển sinh đại học chính quy hàng năm.

Sinh viên trúng tuyển vào chương trình đại học chính quy ngành tương ứng có nguyện vọng được phép đăng ký chuyển sang học Chương trình đại học Tài chính – Ngân hàng; tiếng Anh bán phần (CLC) . Điều kiện chuyển đổi được quy định tại Quy chế quản lý học vụ chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học.

9. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

▪ Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM

▪ Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM. Ngoài ra để được xét công nhận tốt nghiệp, sinh viên thuộc chương trình đào tạo đại học ngành Tài chính – Ngân hàng; tiếng Anh bán phần (CLC) phải đáp ứng thêm các điều kiện sau:

- (i) Sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh tối thiểu ở bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương theo danh mục Trường thông báo; sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ chứng minh trình độ ngoại ngữ theo thông báo của Trường;
- (ii) Hoàn thành các học phần kỹ năng mềm và được cấp chứng chỉ theo quy định của Nhà trường;
- (iii) Hoàn thành các học phần tiếng Anh tăng cường theo quy định của Nhà trường;
- (iv) Được công nhận hoàn thành hoạt động nghiên cứu khoa học theo quy định của Nhà trường.

10. Chương trình đào tạo tham khảo - đối sánh:

10.1. Các trường đại học ở nước ngoài

Chương trình đào tạo được đối sánh với chương trình đào tạo Tài chính ngân hàng của các trường đại học nước ngoài sau:

- The Chinese University of Hong Kong
- University of Sussex
- New Jersey Institute of Technology

10.2. Các trường đại học ở Việt Nam

Chương trình đào tạo được đối sánh với chương trình đào tạo Tài chính ngân hàng của các trường đại học trong nước sau:

- Học viện ngân hàng
- Trường Đại học Kinh tế TP.HCM
- Trường Đại học Kinh tế quốc dân

11. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp giảng dạy

Nhằm giúp sinh viên đạt được các mục tiêu và chuẩn đầu ra của **chương trình đào tạo đại học ngành Tài chính – Ngân hàng; tiếng Anh bán phần (CLC)** các chiến lược và phương pháp giảng dạy được áp dụng cụ thể như sau:

Phương pháp thuyết giảng (Lecture): Giảng viên trình bày tài liệu và giải đáp các thắc mắc của học viên

Phương pháp bài giảng tương tác (Interactive lecture): Thuyết giảng trong đó có quãng thời gian nghỉ khoảng từ hai đến mười lăm phút để cho sinh viên thực hiện các hoạt động học tập (chẳng hạn như: trả lời các câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn, giải quyết vấn đề, bài tập so khớp và điền vào chỗ trống trong tập ghi chú bài giảng, vấn đáp về một trường hợp điển hình nhỏ, bài tập chia sẻ suy nghĩ theo cặp hoặc thảo luận nhóm nhỏ) cứ sau 12 đến 20 phút.

Phương pháp thảo luận có định hướng (Directed discussion): Thảo luận trong lớp theo một bộ câu hỏi ít nhiều có tính trật tự mà giảng viên đặt ra để dẫn dắt học sinh đến những nhận thức hoặc kết luận nhất định hoặc để giúp họ đạt được một kết quả học tập cụ thể.

Phương pháp giảng dạy thông qua Làm việc/ học tập nhóm (Group work/learning): người học thực hiện hoạt động học tập hoặc tạo ra một sản phẩm theo nhóm nhỏ từ hai đến sáu người trong hoặc ngoài lớp học, dưới sự hướng dẫn cẩn thận của giảng viên.

Phương pháp giảng dạy thông qua Thực hành thí nghiệm theo hướng dẫn (Cookbook science labs): Các nhóm gồm hai hoặc ba sinh viên tiến hành các thí nghiệm thông thường, thường có thể dự đoán được kết quả, dựa theo các quy trình như được mô tả, hướng dẫn chi tiết

Phương pháp giảng dạy bằng tình huống điển hình (Case method): Người học áp dụng kiến thức của môn học để đề ra giải pháp hoặc cách thức giải quyết các vấn đề, tình huống khó xử được trình bày trong một câu chuyện hoặc tình huống thực tế; tổ chức học tập bằng hoạt động cá nhân, nhóm nhỏ hoặc cả lớp.

Giảng dạy bằng học tập dựa trên dự án (Project-based learning): người học (với tư cách cá nhân hoặc theo nhóm) áp dụng kiến thức khóa học để tạo ra một kết quả học tập, ví dụ: một báo cáo (viết hoặc nói), bản thiết kế quy trình hoặc sản phẩm, đề cương nghiên cứu hoặc mã máy tính; thường kết hợp với học tập hợp tác.

Các phương pháp giảng dạy nói trên hướng đến việc giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra CTĐT cụ thể như sau:

Phương pháp giảng dạy		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) (Đánh dấu X vào ô có liên quan)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Phương pháp thuyết giảng	X				X	X			X		
2	Phương pháp bài giảng tương tác		X		X				X			
3	Phương pháp thảo luận có định hướng			X				X				X
4	Phương pháp giảng dạy thông qua Làm việc/ học tập nhóm			X	X						X	
5	Phương pháp giảng dạy thông qua Thực hành thí nghiệm theo hướng dẫn										X	X
6	Phương pháp giảng dạy bằng tình huống điển hình						X	X				X

7	Giảng dạy bằng học tập dựa trên dự án		X						X		X
---	---------------------------------------	--	---	--	--	--	--	--	---	--	---

11.2. Đánh giá kết quả học tập:

Điểm đánh giá kết quả học tập từng học phần của sinh viên được tính theo thang điểm hệ 10, được quy đổi sang điểm chữ và thang điểm hệ 4. Việc quy đổi điểm giữa các thang điểm được thực hiện theo Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học hiện hành tại Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Kết cấu và nội dung chương trình:

12.1. Kết cấu chương trình đào tạo:

▪ Chương trình giáo dục đại cương và chuyên nghiệp

TT	Khối kiến thức	Số học phần			Số tín chỉ			Tỷ lệ
		Bắt buộc	Tự chọn		Bắt buộc	Tự chọn		
			Bắt buộc	Tự do		Bắt buộc	Tự do	
1	Giáo dục đại cương	9	1	1	20	2	-	17,74%
2	Giáo dục chuyên nghiệp	26	6	14	84	18	42	82,26%
2.1	Cơ sở ngành	14	3	3	42	9	9	41,13%
2.2	Ngành	5	3	11	15	9	33	19,35%
2.3	Chuyên ngành	7	-	-	27	-	-	21,78%
	Tổng cộng	35	7	15	104	20	42	100%

▪ Chương trình giáo dục thể chất quốc phòng

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
1	Giáo dục thể chất/Physical Education	5
2	Giáo dục quốc phòng an ninh/National Defence and Security Education Programmes	8
	TỔNG CỘNG	13

▪ Chương trình đào tạo tăng cường

STT	Khối kiến thức đào tạo tăng cường	Số tín chỉ
1	Tiếng Anh tăng cường/ Intensive English (*)	28
2	Kỹ năng mềm/Soft skills	8
	TỔNG CỘNG	36

12.2. Khung chương trình đào tạo:

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG								
		Học phần bắt buộc						
1	MLM306	Triết học Mác – Lênin/ Marxist – Leninist phylosophy	3	3	0	0	Không	1
2	MLM307	Kinh tế chính trị Mác – Lênin/ Marxist Leninist political economics	2	2	0	0	Không	2
3	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ Scientific socialism	2	2	0	0	Không	2
4	MLM309	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam/ History of Vietnamese Communist Party	2	2	0	0	MLM306	3
5	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh Ideology	2	2	0	0	MLM306	3
6	AMA301	Toán cao cấp 1/ Advanced Mathematics 1	2	2	0	0	Không	1
7	AMA302	Toán cao cấp 2/ Advanced Mathematics 2	2	2	0	0	Không	2
8	AMA303	Lý thuyết xác suất và thống kê toán/ Theory of Probability and Statistics	3	3	0	0	AMA302	2
9	LAW349	Pháp luật đại cương/ General Law	2	2	0	0	Không	1
	Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 01 học phần thuộc 1 trong 2 nhóm định hướng (a/b))							
10a	SOC303	Tâm lý học/ Psychology	2	2	0	0	Không	2
10b	BAF737	Giới thiệu về khoa học máy tính/ Introduction to computer science	2	2	0	0	Không	2
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP								
Học phần khối kiến thức cơ sở ngành								
		Học phần bắt buộc						

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
1	MES302	Kinh tế học vi mô/ Microeconomics	3	3	0	0	Không	1
2	MES303	Kinh tế học vĩ mô/ Macroeconomics	3	3	0	0	Không	2
3	BAF738	Giới thiệu ngành Tài chính ngân hàng/ Introduction to Banking – Finance	3	3	0	0	Không	1
4	ACC301	Nguyên lý kế toán/ Principles of Accounting	3	3	0	0	Không	3
5	LAW304	Luật kinh doanh / Business Law	3	3	0	0	LAW349	2
6	FIN709	Đạo đức nghề nghiệp trong ngành tài chính ngân hàng/ Professional ethics in finance and banking	3	3	0	0	Không	1
7	ITS301	Tin học ứng dụng/ Applied Informatics	3	2	1	0	Theo QCĐT	4
8	ECE301	Kinh tế lượng/ Econometrics	3	3	0	0	AMA303	3
9	BAF706	Tài chính cá nhân/ Personal Finance	3	3	0	0	Không	2
10	BAF736	Tiền tệ, Ngân hàng và Công nghệ tài chính/ Money, Banking and Fintech	3	3	0	0	MES303	3
11	FIN711	Corporate Finance/ Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	0	ACC301	4
12	ACC705	Kế toán tài chính/ Financial Accounting	3	3	0	0	ACC301	5
13	ENP318	English For Banking And Finance/ Tiếng Anh chuyên ngành TCNH	3	3	0	0	Không	4
14	INE704	Phương pháp nghiên cứu khoa học / Scientific research methods	3	3	0	0	Không	4

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ	
				Lý thuyết	Thực hành	Khác			
	Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 03 học phần thuộc 1 trong 2 nhóm định hướng (a/b); lưu ý: chọn hướng đúng với hướng lựa chọn ở kiến thức giáo dục đại cương)								
15a	BAF739	Foreign Exchange Trading/ Kinh doanh ngoại hối	3	3	0	0	BAF736	3	
16a	FIN712	Financial markets and Institutions/ Thị trường Tài chính và Định chế tài chính	3	3	0	0	Không	4	
17a	INE307	Tài chính quốc tế/ International Finance	3	3	0	0	Không	4	
15b	BAF740	Fundamentals of programming in economics/ Cơ sở lập trình trong kinh tế	3	2	1	0	Không	3	
16b	BAF741	Financial data structure and algorithms / Cấu trúc dữ liệu tài chính và giải thuật	3	2	1	0	Không	4	
17b	BAF742	Python programming in banking and finance/ Lập trình Python trong tài chính ngân hàng	3	2	1	0	Không	4	
	Học phần khối kiến thức ngành								
		Học phần bắt buộc							
1	BAF722	Banking Operations/ Hoạt động kinh doanh ngân hàng	3	3	0	0	Không	5	
2	FIN713	Corporate Finance Analysis/ Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	3	0	0	FIN711	5	
3	BAF743	Investment Project Appraisal/ Thẩm định dự án đầu tư	3	3	0	0	BAF736	6	
4	BAF744	Commercial Banking Management/ Quản trị ngân hàng thương mại	3	3	0	0	BAF722	6	

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
5	BAF745	Digital Marketing in Financial Institutions/ Marketing số trong các định chế tài chính	3	3	0	0	BAF736	6
Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 03 học phần thuộc 1 trong 2 nhóm định hướng (a/b); lưu ý: chọn hướng đúng với hướng lựa chọn ở kiến thức giáo dục cơ sở ngành)								
6a	FIN714	Insurance/ Bảo hiểm	3	3	0	0	Không	5,6
7a	BAF746	Risk Management in Banking/ Quản trị rủi ro ngân hàng	3	3	0	0	BAF722	5,6
8a	ACC306	Kế toán ngân hàng/ Bank Accounting	3	3	0	0	ACC301	5,6
9a	FIN720	Derivatives and Risk Management/ Tài chính phái sinh và quản trị rủi ro	3	3	0	0	MES303	5,6
10a	BAF306	Thẩm định giá tài sản/ Asset Valuation	3	3	0	0	BAF736	5,6
11a	FIN715	Quantitative finance/ Tài chính định lượng	3	3	0	0	BAF724	5,6
12a	FIN716	Taxation/ Thuế	3	3	0	0	Không	5,6
6b	BAF747	Principles and techniques in Machine Learning for Fintech/ Nguyên lý và kỹ thuật học máy trong công nghệ tài chính	3	2	1	0	BAF737	5,6
7b	BAF748	Blockchain and Cryptocurrencies/ Chuỗi khối và tiền mã hóa	3	3	0	0	Không	5,6
8b	BAF749	Artificial Intelligence in quantitative Trading/ Trí tuệ nhân tạo trong giao dịch định lượng	3	3	0	0	AMA303	5,6
9b	BAF716	Công nghệ quản lý và giám sát trong ngân hàng/ Regulatory	3	3	0	0	BAF736	5,6

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
		<i>Technology and Supervision Technology in banking</i>						
10b	BAF750	<i>An toàn vốn và quản trị rủi ro ngân hàng/ Capital adequacy and risk management in banking</i>	3	3	0	0	BAF736	5,6
11b	BAF751	<i>Large language models in banking and finance/ Mô hình ngôn ngữ lớn trong tài chính ngân hàng (Từ khoá 12)</i>	3	3	0	0	BAF737	5,6
12b	BAF752	<i>Big data analysis in banking and finance/ Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính ngân hàng</i>	3	2	1	0	Không	5,6
	Học phần khối kiến thức chuyên ngành							
	Học phần bắt buộc							
1	BAF753	Bank Lending/ Tín dụng ngân hàng	3	3	0	0	BAF722	7
2	BAF754	International payment/ Thanh toán quốc tế	3	3	0	0	BAF736	6
3	FIN717	Investment Banking/ Nghiệp vụ ngân hàng đầu tư (Từ khoá 12)	3	3	0	0	BAF736	7
4	FIN718	Portfolio management/ Quản lý danh mục đầu tư	3	3	0	0	FIN711	7
5	FIN719	Financial Investment/ Đầu tư tài chính	3	3	0	0	FIN711	7
6	INT302	Thực tập cuối khóa ngành Tài Chính Ngân hàng/ Internship in Banking and Finance	3	1	0	2	Theo quy chế ĐT	8
7	REP302	Khóa luận tốt nghiệp ngành Tài Chính Ngân hàng / Bachelor's Thesis in Banking and Finance	9	1	0	8	Theo quy chế ĐT	8
Tổng số tín của chương trình đào tạo			124					

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
Tổng số tín chỉ bắt buộc			104					
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			20					
KHỐI KIẾN THỨC KHÁC			13					
KHỐI KIẾN THỨC TĂNG CƯỜNG			36					

Ghi chú nếu có: Sinh viên được yêu cầu thực hiện khoá luận tốt nghiệp, và được khuyến khích thực hiện khoá luận tốt nghiệp bằng tiếng Anh.

13. Kế hoạch đào tạo phân theo học kỳ:

Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Học phần trước	Bắt buộc / Tự chọn (BB/TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	1	MLM306	Triết học Mác - Lênin/ Marxist – Leninist philosophy	3	Không	BB	Tiếng Việt
	2	LAW349	Pháp luật đại cương/ General Law	2	Không	BB	Tiếng Việt
	3	MES302	Kinh tế học vi mô/ Microeconomics	3	Không	BB	Tiếng Việt
	4	AMA301	Toán cao cấp 1/ Advanced Mathematics 1	2	Không	BB	Tiếng Việt
	5	FIN709	Đạo đức nghề nghiệp trong ngành tài chính ngân hàng / Professional ethics in finance and banking	3	Không	BB	Tiếng Việt
	6	BAF738	Giới thiệu ngành Tài chính ngân hàng/ Introduction to Banking - Finance	3	Không	BB	Tiếng Việt
	7	GYM301	Học phần GDTC 1	1	Không	BB	Tiếng Việt
	8	-	Giáo dục quốc phòng - an ninh	8	Không	BB	Tiếng Việt
	9	-	Anh văn tăng cường 1	4	-	Tăng cường	Tiếng Anh

Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Học phần trước	Bắt buộc / Tự chọn (BB/TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
	10	-	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình	2	-	Tăng cường	Tiếng Việt
		Tổng tín chỉ trong học kỳ 1		31	16 TC khối kiến thức + 9 TC khối kiến thức khác + 6 TC khối kiến thức tăng cường		
2	1	MLM307	Kinh tế chính trị Mác - Lênin/ Marxist Leninist political economics	2	Không	BB	Tiếng Việt
	2	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ Scientific socialism	2	Không	BB	Tiếng Việt
	3	AMA302	Toán cao cấp 2/ Advanced Mathematics 2	2	Không	BB	Tiếng Việt
	4	MES303	Kinh tế học vĩ mô/ Macroeconomics	3	Không	BB	Tiếng Việt
	5	AMA303	Lý thuyết xác suất và thống kê toán/ Theory of Probability and Statistics	3	AMA301	BB	Tiếng Việt
	6	LAW304	Luật kinh doanh/ Business Law	3	LAW349	BB	Tiếng Việt
	7	BAF706	Tài chính cá nhân/ Personal Finance	3	Không	BB	Tiếng Việt
	Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 01 học phần thuộc 1 trong 2 nhóm định hướng (a/b))						
	8a	SOC303	Tâm lý học/ Psychology	2	Không	TC	Tiếng Việt
	8b	BAF737	Giới thiệu về khoa học máy tính/ Introduction to computer science	2	Không	TC	Tiếng Việt
	9	GYM 302	Học phần GDTC 2	1	Không	BB	Tiếng Việt
	10	-	Anh văn tăng cường 2	4	-	BB	Tiếng Anh
	11	-	Anh văn tăng cường 3	4	-	BB	Tiếng Anh

Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Học phần trước	Bắt buộc / Tự chọn (BB/TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
	12	-	Kỹ năng lãnh đạo và làm việc nhóm	2	-	BB	Tiếng Việt
		Tổng tín chỉ trong học kỳ 2		31	20 TC khối kiến thức + 1 TC khối kiến thức khác + 10 TC khối kiến thức tăng cường		
3	1	MLM309	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam/ History of Vietnamese Communist Party	2	MLM306	BB	Tiếng Việt
	2	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh Ideology	2	MLM306	BB	Tiếng Việt
	3	ACC301	Nguyên lý kế toán/ Principles of Accounting	3	Không	BB	Tiếng Việt
	4	ECE301	Kinh tế lượng/ Econometrics	3	AMA303	BB	Tiếng Việt
	5	BAF736	Tiền tệ, Ngân hàng và Công nghệ tài chính/ Money, Banking and Fintech	3	MES303	BB	Tiếng Việt
	Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 01 học phần thuộc 1 trong 2 nhóm định hướng (a/b) ; lưu ý: chọn hướng đúng với hướng lựa chọn ở kiến thức giáo dục đại cương)						
	6a	BAF739	Foreign Exchange Trading/ Kinh doanh ngoại hối	3	BAF736	TC	Tiếng Anh
	6b	BAF740	Fundamentals of programming in economics/ Cơ sở lập trình trong kinh tế	3	Không	TC	Tiếng Anh
	7	GYM303	Học phần GDTC 3	1	Không	BB	Tiếng Việt
	8		Anh văn tăng cường 4	4	-	BB	Tiếng Anh
	9	-	Kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề	2	-	BB	Tiếng Việt
		Tổng tín chỉ trong học kỳ 3		23	16 TC khối kiến thức + 1 TC khối kiến thức khác +		

Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Học phần trước	Bắt buộc / Tự chọn (BB/TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
					6 TC khối kiến thức tăng cường		
4	1	INE704	Phương pháp nghiên cứu khoa học / Scientific research methods	3	Không	BB	Tiếng Việt
	2	ITS301	Tin học ứng dụng/ Applied Informatics	3	Theo quy chế đào tạo	BB	Tiếng Việt
	3	FIN711	Corporate Finance/ Tài chính doanh nghiệp	3	ACC301	BB	Tiếng Anh
	4	ENP318	English For Banking And Finance/ Tiếng Anh chuyên ngành TCNH	3	Theo quy chế đào tạo	BB	Tiếng Anh
	Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 02 học phần thuộc 1 trong 2 nhóm định hướng (a/b); lưu ý: chọn hướng đúng với hướng lựa chọn ở kiến thức giáo dục đại cương)						
	5a	FIN712	Financial markets and Institutions/ Thị trường Tài chính và Định chế tài chính	3	Không	TC	Tiếng Anh
	6a	INE307	Tài chính quốc tế/ International Finance	3	Không	TC	Tiếng Việt
	5b	BAF741	Financial data structure and algorithms / Cấu trúc dữ liệu tài chính và giải thuật	3	Không	TC	Tiếng Anh
	6b	BAF742	Python programming in banking and finance/ Lập trình Python trong tài chính ngân hàng	3	Không	TC	Tiếng Anh
	7	GYM304	Học phần GDTC 4	1	Không	BB	Tiếng Việt
	8	-	Anh văn tăng cường 5	4	-	BB	Tiếng Anh
	9	-	Anh văn tăng cường 6	4	-	BB	Tiếng Anh
		Tổng tín chỉ trong học kỳ 4		27	18 TC khối kiến thức + 1 TC khối kiến thức khác +		

Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Học phần trước	Bắt buộc / Tự chọn (BB/TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
					8 TC khối kiến thức tăng cường		
5	1	BAF722	Banking Operations/ Hoạt động kinh doanh ngân hàng	3	Không	BB	Tiếng Anh
	2	ACC705	Kế toán tài chính/ Financial Accounting	3	ACC301	BB	Tiếng Việt
	3	FIN713	Corporate Finance Analysis/ Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	FIN713	BB	Tiếng Anh
	Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 02 học phần thuộc 1 trong 2 nhóm định hướng (a/b); lưu ý: chọn hướng đúng với hướng lựa chọn ở kiến thức giáo dục cơ sở ngành)						
	4a 5a	FIN714	Insurance/ Bảo hiểm	3	Không	TC	Tiếng Anh
		BAF746	Risk Management in Banking/ Quản trị rủi ro ngân hàng	3	BAF722	TC	Tiếng Anh
		ACC306	Kế toán ngân hàng/ Bank Accounting	3	ACC301	TC	Tiếng Việt
		FIN720	Derivatives and Risk Management/ Tài chính phái sinh và quản trị rủi ro	3	MES303	TC	Tiếng Anh
		BAF306	Thẩm định giá tài sản/ Asset Valuation	3	BAF736	TC	Tiếng Việt
		FIN715	Quantitative finance/ Tài chính định lượng	3	BAF724	TC	Tiếng Anh
		FIN716	Taxation/ Thuế	3	Không	TC	Tiếng Anh
	4b 5b	BAF747	Principles and techniques in Machine Learning for Fintech/ Nguyên lý và kỹ thuật học máy trong công nghệ tài chính	3	BAF737	TC	Tiếng Anh
		BAF748	Blockchain and Cryptocurrencies/ Chuỗi khối và tiền mã hóa	3	Không	TC	Tiếng Anh

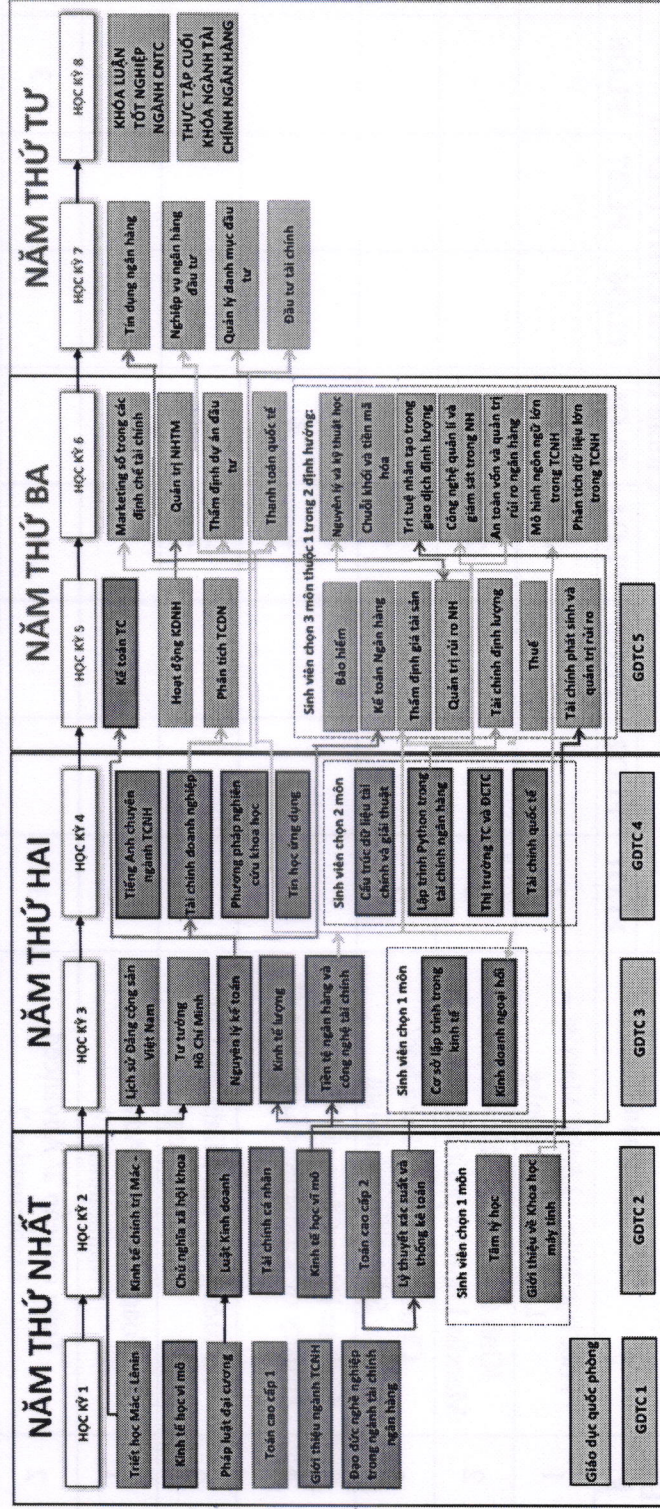
Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Học phần trước	Bắt buộc / Tự chọn (BB/TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
		BAF749	<i>Artificial Intelligence in quantitative Trading/ Trí tuệ nhân tạo trong giao dịch định lượng</i>	3	AMA303	TC	Tiếng Anh
		BAF716	<i>Công nghệ quản lý và giám sát trong ngân hàng/ Regulatory Technology and Supervision Technology in banking</i>	3	BAF736	TC	Tiếng Việt
		BAF750	<i>An toàn vốn và quản trị rủi ro ngân hàng/ Capital adequacy and risk management in banking</i>	3	BAF736	TC	Tiếng Việt
		BAF751	<i>Large language models in banking and finance/ Mô hình ngôn ngữ lớn trong tài chính ngân hàng (Từ khoá 12)</i>	3	BAF737	TC	Tiếng Anh
		BAF752	<i>Big data analysis in banking and finance/ Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính ngân hàng</i>	3	Không	TC	Tiếng Anh
	6	GYM305	Học phần GDTC 5	1	Không	BB	Tiếng Việt
Tổng tín chỉ trong học kỳ 5				16	15 TC khối kiến thức + 1 TC khối kiến thức khác		
6	1	BAF743	Investment Project Appraisal/ Thẩm định dự án đầu tư	3	BAF736	BB	Tiếng Anh
	2	BAF744	Commercial Banking Management/ Quản trị ngân hàng thương mại	3	BAF722	BB	Tiếng Anh
	3	BAF745	Digital Marketing in Financial Institutions/ Marketing số trong các định chế tài chính	3	BAF736	BB	Tiếng Anh
	4	BAF754	International payment/ Thanh toán quốc tế	3	BAF736	BB	Tiếng Anh
	Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 01 học phần thuộc 1 trong 2 nhóm định hướng (a/b); lưu ý: chọn hướng đúng với hướng lựa chọn ở kiến thức giáo dục cơ sở ngành)						

Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Học phần trước	Bắt buộc / Tự chọn (BB/TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
	5a	FIN714	Insurance/ Bảo hiểm	3	Không	TC	Tiếng Anh
		BAF746	Risk Management in Banking/ Quản trị rủi ro ngân hàng	3	BAF722	TC	Tiếng Anh
		ACC306	Kế toán ngân hàng/ Bank Accounting	3	ACC301	TC	Tiếng Việt
		FIN720	Derivatives and Risk Management/ Tài chính phái sinh và quản trị rủi ro	3	MES303	TC	Tiếng Anh
		BAF306	Thẩm định giá tài sản/ Asset Valuation	3	BAF736	TC	Tiếng Việt
		FIN715	Quantitative finance/ Tài chính định lượng	3	BAF724	TC	Tiếng Anh
		FIN716	Taxation/ Thuế	3	Không	TC	Tiếng Anh
	5b	BAF747	Principles and techniques in Machine Learning for Fintech/ Nguyên lý và kỹ thuật học máy trong công nghệ tài chính	3	BAF737	TC	Tiếng Anh
		BAF748	Blockchain and Cryptocurrencies/ Chuỗi khối và tiền mã hóa	3	Không	TC	Tiếng Anh
		BAF749	Artificial Intelligence in quantitative Trading/ Trí tuệ nhân tạo trong giao dịch định lượng	3	AMA303	TC	Tiếng Anh
		BAF716	Công nghệ quản lý và giám sát trong ngân hàng/ Regulatory Technology and Supervision Technology in banking	3	BAF736	TC	Tiếng Việt
		BAF750	An toàn vốn và quản trị rủi ro ngân hàng/ Capital adequacy and risk management in banking	3	BAF736	TC	Tiếng Việt
		BAF751	Large language models in banking and finance/ Mô hình ngôn ngữ lớn trong tài chính ngân hàng (Từ khoá 12)	3	BAF737	TC	Tiếng Anh

Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Học phần trước	Bắt buộc / Tự chọn (BB/TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
		BAF752	<i>Big data analysis in banking and finance/ Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính ngân hàng</i>	3	Không	TC	Tiếng Anh
	Tổng tín chỉ trong học kỳ 6			15			
7	1	BAF753	Bank Lending/ Tín dụng ngân hàng	3	BAF722	BB	Tiếng Anh
	2	FIN717	Investment Banking/ Nghiệp vụ ngân hàng đầu tư (Từ khoá 12)	3	BAF736	BB	Tiếng Anh
	3	FIN718	Portfolio management/ Quản lý danh mục đầu tư	3	FIN711	BB	Tiếng Anh
	4	FIN719	Financial Investment/ Đầu tư tài chính	3	FIN711	BB	Tiếng Anh
	Tổng tín chỉ trong học kỳ 7			12	12 TC khối kiến thức		
8	1	INT302	Thực tập cuối khóa ngành Tài Chính Ngân hàng/ Internship in Banking and Finance	3	Theo quy chế đào tạo	BB	Tiếng Việt
	2	REP302	Khóa luận tốt nghiệp ngành Tài Chính Ngân hàng / Bachelor's Thesis in Banking and Finance	9	Theo quy chế đào tạo	BB	Tiếng Việt/ Anh
	Tổng tín chỉ trong học kỳ 8			12	12 TC khối kiến thức (Bao gồm 12 tuần thực tập)		

14. Sơ đồ cây chương trình đào tạo (danh sách các học phần được hệ thống hóa theo các khối kiến thức và trình tự học):

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH
SƠ ĐỒ CÂY CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TẬP TRUNG
Ngành Tài chính – Ngân hàng, tiếng Anh bán phần (CLC)



15. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

Bảng 15.1 : Ma trận phân bổ PLO

TT	Học kỳ	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)											
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	
1	1	Triết học Mác – Lênin/ Marxist – Leninist phylosophy	2			2	2							
2	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin/ Marxist Leninist political economics	2			2	2							
3	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ Scientific socialism	2			2	2							
4	3	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam/ History of Vietnamese Communist Party	2			2	2							
5	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh Ideology	2			2	2							
6	1	Toán cao cấp 1/ Advanced Mathematics 1	3						3			3		
7	2	Toán cao cấp 2/ Advanced Mathematics 2	3				3					3		
8	2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán/ Theory of Probability and Statistics	3							3				
9	1	Pháp luật đại cương/ General Law	2		2			2						

22	4	Corporate Finance/ Tài chính doanh nghiệp		2						3						
23	5	Kế toán tài chính/ Financial Accounting			3	3				3						
24	4	English For Banking And Finance/ Tiếng Anh chuyên ngành TCNH		4	4							4				
25	4	Phương pháp nghiên cứu khoa học / Scientific research methods		4	4					4						
26	3	Foreign Exchange Trading/ Kinh doanh ngoại hối						4		4	4					
27	4	Financial markets and Institutions/ Thị trường TC và ĐCTC			2	2				2						
28	4	Tài chính quốc tế/ International Finance								4	4	4				
29	3	Fundamentals of programming in economics/ Cơ sở lập trình trong kinh tế	3	3		3										
30	4	Financial data structure and algorithms / Cấu trúc dữ liệu tài chính và giải thuật		3						3					3	
31	4	Python programming in banking and finance/ Lập trình Python trong tài chính ngân hàng		3						3					3	
32	5	Banking Operations/ Hoạt động kinh doanh ngân hàng								3	3	3				

33	5	Corporate Finance Analysis/ Phân tích tài chính doanh nghiệp		4					4	4							
34	6	Investment Project Appraisal/ Thẩm định dự án đầu tư		3	3				3								
35	6	Commercial Banking Management/ Quản trị ngân hàng thương mại		4			4		4								
36	6	Digital Marketing in Financial Institutions/ Marketing số trong các định chế tài chính			3				3				3				
37	5,6	Insurance/ Bảo hiểm							4	4			4				
38	5,6	Risk Management in Banking/ Quản trị rủi ro ngân hàng					3		3	3							
39	5,6	Kế toán ngân hàng/ Bank Accounting			3				3	4							
40	5,6	Derivatives and Risk Management/ Tài chính phái sinh và quản trị rủi ro							3	3			3				
41	5,6	Thẩm định giá tài sản/ Asset Valuation		4	4				4								
42	5,6	Quantitative finance/ Tài chính định lượng							3	3			3				
53	7	Investment Banking/ Nghiệp vụ ngân hàng đầu tư (Từ khoá 12)							4	4			4				
54	7	Portfolio management/ Quản lý danh mục đầu tư							4	4			4				
55	7	Financial Investment/ Đầu tư tài chính							4	4			4				

46	5,6	<i>Artificial Intelligence in quantitative Trading/ Trí tuệ nhân tạo trong giao dịch định lượng</i>							3	3	3				
47	5,6	<i>Công nghệ quản lý và giám sát trong ngân hàng/ Regulatory Technology and Supervision Technology in banking</i>							4	4				3	
48	5,6	<i>An toàn vốn và quản trị rủi ro ngân hàng/ Capital adequacy and risk management in banking</i>							4	4				3	
49	5,6	<i>Large language models in banking and finance// Mô hình ngôn ngữ lớn trong tài chính ngân hàng (Từ khoá 12)</i>						4				4		3	
50	5,6	<i>Big data analysis in banking and finance/ Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính ngân hàng</i>						3	3		3				
51	7	<i>Bank Lending/ Tín dụng ngân hàng</i>					4	4	4						
52	6	<i>International payment/ Thanh toán quốc tế</i>						4	4	4					
53	7	<i>Investment Banking/ Nghiệp vụ ngân hàng đầu tư (Từ khoá 12)</i>							4	4	4			4	
54	7	<i>Portfolio management/ Quản lý danh mục đầu tư</i>							4	4	4			4	

55	7	Financial Investment/ Đầu tư tài chính								4	4	4							
56	8	Thực tập cuối khóa ngành Tài Chính Ngân hàng/ Internship in Banking and Finance					5	5	5	5	5	5	4					5	5
57	8	Khóa luận tốt nghiệp ngành Tài Chính Ngân hàng / Bachelor's Thesis in Banking and Finance		5			5	5	5	5	5	5	4					5	5
Tổng số lượng học phần theo các mức độ đóng góp																			
		<i>Mức 1</i>	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>Mức 2</i>	8	2	4	11	9	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>Mức 3</i>	7	7	6	3	3	20	7	9	0	5	0	0	0	5	0	0	0
		<i>Mức 4</i>	0	6	3	0	5	17	14	9	2	3	0	0	0	0	0	0	0
		<i>Mức 5</i>	0	1	0	2	2	2	2	2	0	0	0	0	0	0	0	2	2
		Học phần đóng góp																	
		Học phần đánh giá PI																	
		Học phần đánh giá PLO	17	16	13	16	19	40	23	21	2	8	2					2	2

Bảng 15.2 : Ma trận phân bổ PLO – PI

T		Học kỳ	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
				PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PL	PLO10		PLO11																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									
				P	I	1	2	1	2	3	1	2	3	4	1	2	3	4	5		6	1	2	3	4	5	6	7	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4

		17	17	13	15	18	40	23	22	2	8	2	
	Học phần đánh giá PLO												

Bảng 15.3: Ma trận phân bố CLO - PI

TT	Học kỳ	Tên học phần (HPi)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																						
				PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5			PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10		PLO11	
				PI	1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2			10.1	10.2	11.1
1	1	Triết học Mác – Lênin/ Marxist – Leninist phy/losophy	CLO1j	2																						
			CLO2	2																						
			CLO3									2	2													
			CLO4											2	2											
		Tổng hợp học phần		2							2			2												
2	2	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin/ Marxist Leninist political economics	CLO1	2																						
			CLO2	2																						
			CLO3									2	2													
			CLO4											2	2											
		Tổng hợp học phần		2							2			2												
3	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ Scientific socialism	CLO1	2																						
			CLO2	2																						
			CLO3									2	2													
			CLO4											2	2											
		Tổng hợp học phần		2							2			2												
4	3		CLO1	2																						

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
1	MLM306	Triết học Mác – Lênin/ Marxist – Leninist philosophy	Triết học Mác – Lênin là môn học thuộc giai đoạn đại cương, cung cấp kiến thức chung nhằm trang bị thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng duy vật cho người học. Môn học giúp người học xác định đúng vai trò, vị trí của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; nâng cao bản lĩnh chính trị, từng bước hình thành những giá trị văn hoá và nhân sinh quan tốt đẹp, củng cố lý tưởng, niềm tin vào con đường và sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi người học tốt nghiệp.
2	MLM307	Kinh tế chính trị Mác – Lênin/ Marxist Leninist political economics	Kinh tế chính trị Mác – Lênin là môn học thuộc giai đoạn đại cương nghiên cứu các quan hệ xã hội của con người trong quá trình sản xuất, trao đổi, tiêu dùng của cải vật chất qua các giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội loài người. Thông qua đó, làm rõ bản chất của các quá trình và các hiện tượng kinh tế, tìm ra các quy luật vận động của nền kinh tế - xã hội.
3	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ Scientific socialism	Kinh tế chính trị Mác – Lênin là môn học thuộc giai đoạn đại cương nghiên cứu các quan hệ xã hội của con người trong quá trình sản xuất, trao đổi, tiêu dùng của cải vật chất qua các giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội loài người. Thông qua đó, làm rõ bản chất của các quá trình và các hiện tượng kinh tế, tìm ra các quy luật vận động của nền kinh tế - xã hội.

- Tê
- (C
- Tê
- Tr
- Ng
- M
- Hi
- Ch
- Th
- Th

1. K
Chươn

TT	
1	Gi
2	Gi
2.1	Cc
2.2	Ng
2.3	Ch

Chươn

STT	
1	Gi

¹ Mã ngành

4	MLM309	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam/ History of Vietnamese Communist Party	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học thuộc giai đoạn đại cương, bao gồm 4 chương, cung cấp các kiến thức cơ bản về: sự ra đời của Đảng; quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng trong các giai đoạn; thành công, hạn chế, bài học kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng, nhằm giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.
---	--------	--	--

5	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh Ideology	Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học thuộc giai đoạn đại cương, bao gồm 6 chương, cung cấp các kiến thức cốt lõi về: Quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người và sự vận dụng của Đảng Cộng sản trong cách mạng Việt Nam, Qua môn học này sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng của cách mạng Việt Nam; nâng cao được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.
6	AMA301	Toán cao cấp 1/ Advanced Mathematics 1	Toán cao cấp 1 là môn học thuộc khối kiến thức đại cương. Môn học sẽ cung cấp cho người học những kiến thức về toán Đại số tuyến tính ứng dụng trong phân tích kinh tế. Nội dung bao gồm: ma trận, hệ phương trình tuyến tính, không gian vector và một số ứng dụng trong kinh tế.
7	AMA302	Toán cao cấp 2/ Advanced Mathematics 2	Toán cao cấp 2 là môn học thuộc khối kiến thức đại cương. Môn học sẽ cung cấp cho người học những kiến thức về ứng dụng của toán giải tích trong phân tích kinh tế. Nội dung bao gồm: giới hạn, liên tục, đạo hàm và vi phân, tích phân của hàm số một biến số; đạo hàm riêng và vi phân toàn phần, cực trị của hàm nhiều biến; phương trình vi phân cấp 1, cấp 2.
8	AMA303	Lý thuyết xác suất và thống kê toán/ Theory of Probability and Statistics	Lý thuyết xác suất và thống kê toán thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Môn học trang bị cho sinh viên lý thuyết về xác suất và thống kê để tiếp cận khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành; giúp sinh viên bước đầu biết cách vận dụng kiến thức môn học trong các lĩnh vực thuộc khối ngành kinh doanh và quản lý.

9	LAW349	Pháp luật đại cương/ General Law	Môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, bao gồm: - Lý luận cơ bản về nhà nước và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Lý luận cơ bản về pháp luật, cơ chế điều chỉnh pháp luật liên quan đến quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý. - Nội dung một số lĩnh vực pháp luật: Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Lao động, Pháp luật Tố tụng (hình sự, dân sự, hành chính), pháp luật quyền con người và phòng chống tham nhũng. Khi học xong môn học, người học có thể hiểu được hành vi thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và nội dung cơ bản một số lĩnh vực pháp luật để từ đó có thể vận dụng pháp luật và thực hiện hoạt động nghề nghiệp với tinh thần trách nhiệm và ý thức tuân thủ pháp luật, từ đó góp phần kiến tạo, bảo vệ công lý; vận dụng quy định pháp luật để bảo vệ mình và cho người khác trên cơ sở thượng tôn pháp luật.
10	SOC303	Tâm lý học / Psychology	Tâm lý học là môn khoa học xã hội học thuộc giai đoạn đại cương, nghiên cứu các hiện tượng tinh thần của con người như: bản chất tâm lý người, các hiện tượng tâm lý người, sự hình thành và phát triển tâm lý - ý thức, các quá trình nhận thức, đời sống tình cảm và ý chí, nhân cách và sự hình thành phát triển nhân cách của con người.

11	BAF737	Giới thiệu về khoa học máy tính/ Introduction to computer science	Môn học được thiết kế nhằm mục đích cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết về vai trò của tính toán trong việc giải quyết vấn đề và giúp sinh viên, bất kể chuyên ngành, cảm thấy tự tin chính đáng về khả năng viết các chương trình nhỏ cho phép họ hoàn thành các mục tiêu hữu ích. Lớp học sẽ sử dụng ngôn ngữ lập trình Python 3. Hơn thế nữa, môn học cung cấp sự hiểu biết về vai trò của tính toán trong việc giải quyết vấn đề. Giúp sinh viên cảm thấy tự tin về khả năng viết các chương trình nhỏ cho phép họ hoàn thành các mục tiêu hữu ích. Định vị sinh viên để họ có thể cạnh tranh cho các dự án nghiên cứu và xuất sắc trong các môn học có thành phần lập trình.
12	MES302	Kinh tế học vi mô/ Microeconomics	Kinh tế học vi mô là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Môn học nhằm hướng đến các mục tiêu: (i) Cung cấp kiến thức nền tảng về kinh tế học nói chung và kinh tế học vi mô nói riêng; (ii) Thực hành một số kỹ năng cần thiết như: Kỹ năng đọc, kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm. Để đạt được các mục tiêu trên, môn học sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản gồm: Mười nguyên lý kinh tế học; các lý thuyết về cung – cầu; các cấu trúc thị trường; lý thuyết hành vi của người tiêu dùng và của doanh nghiệp.
13	MES303	Kinh tế học vĩ mô/ Macroeconomics	Kinh tế học vĩ mô là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Môn học nhằm hướng đến mục tiêu trang bị cho sinh viên: (i) hiểu biết về các khái niệm kinh tế vĩ mô cơ bản, cách thức đo lường các chỉ tiêu của nền kinh tế vĩ mô và mối quan hệ giữa chúng; (ii) hiểu biết về các chính sách của chính phủ trong điều hành kinh tế vĩ mô. Để đạt được các mục tiêu trên, môn học gồm 8 chương, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô, bao gồm: tổng quan về kinh tế học vĩ mô, dữ liệu kinh tế vĩ mô, sản xuất và tăng trưởng, hệ thống tiền tệ, tổng cầu và tổng cung, chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa, lạm phát và thất nghiệp, kinh tế học vĩ mô của nền kinh tế mở.

14	BAF738	Giới thiệu ngành Tài chính ngân hàng/ Introduction to Banking – Finance	Giới thiệu ngành Tài chính - Ngân hàng là môn học bắt buộc nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng. Môn học cung cấp những thông tin tổng quát về ngành tài chính ngân hàng, các vị trí việc làm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, đồng thời trang bị cho sinh viên các kỹ năng cần thiết để có thể tự học và tự nghiên cứu. Qua đó, sinh viên có thể định hướng nghề nghiệp, lên kế hoạch học tập, rèn luyện kỹ năng, tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp để đáp ứng các yêu cầu của nghề nghiệp và có khả năng phát triển nghề nghiệp về lĩnh vực tài chính ngân hàng trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.
15	ACC301	Nguyên lý kế toán/ Principles of Accounting	Môn học Nguyên lý kế toán thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo. Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về kế toán như: khái niệm, đối tượng của kế toán, các phương pháp kế toán, sổ kế toán, hình thức kế toán và tổ chức công tác kế toán để thực hành được quy trình kế toán trong doanh nghiệp theo đúng các quy định pháp luật hiện hành. Hơn nữa, môn học cung cấp các kiến thức kế toán để diễn giải được các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế (tài chính, ngân hàng, kế toán, quản trị kinh doanh, kinh tế quốc tế...).
16	LAW304	Luật kinh doanh / Business Law	Luật kinh doanh là môn học cơ sở, thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hoạt động kinh doanh như: chủ thể kinh doanh, điều kiện đầu tư, thành lập, điều hành hoạt động, chấm dứt hoạt động của các chủ thể kinh doanh, các qui định về việc giao kết, thực hiện, chấm dứt hợp đồng trong kinh doanh, các phương thức về giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Ngoài ra, môn học luật kinh doanh còn giúp sinh viên có khả năng giải quyết các tình huống pháp luật trong hoạt động kinh doanh.

17	FIN709	Đạo đức nghề nghiệp trong ngành tài chính ngân hàng / Professional ethics in finance and banking	Môn học nhấn mạnh vào vai trò của đạo đức và trách nhiệm xã hội trong các hoạt động tài chính và ngân hàng. Sinh viên sẽ khám phá các vấn đề đạo đức phổ biến trong lĩnh vực này, bao gồm quản lý rủi ro, công bằng và minh bạch trong giao dịch tài chính, cũng như ảnh hưởng của quyết định kinh doanh đến cộng đồng và môi trường. Môn này cung cấp cơ hội cho sinh viên phân tích và thảo luận về các trường hợp thực tế, đặt ra các tình huống đạo đức phức tạp mà các chuyên gia tài chính và ngân hàng thường phải đối mặt. Đồng thời, môn học này cũng khuyến khích sinh viên xem xét và phát triển các phương pháp và kỹ năng để đảm bảo họ có thể hành động một cách đạo đức và có trách nhiệm trong sự nghiệp của mình.
18	ITS301	Tin học ứng dụng/ Applied Informatics	Môn học trang bị một số kiến thức, kỹ năng cần thiết giúp sinh viên các khối ngành của Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM sử dụng tốt máy tính phục vụ cho mục đích học tập, nghiên cứu, và công việc sau này. Sau khi học xong môn học, sinh viên nắm được các kiến thức, kỹ năng nâng cao, sử dụng được các phần mềm MS Excel, SPSS để giải một số bài toán trong phân tích tài chính, phân tích kinh doanh, tổ chức và trình bày dữ liệu báo cáo, thống kê và phân tích dữ liệu.
19	ECE301	Kinh tế lượng/ Econometrics	Kinh tế lượng là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phân tích hồi quy như phương pháp ước lượng bình phương bé nhất thông thường, suy diễn thống kê và dự báo, cách kiểm định và lựa chọn mô hình hồi quy.

20	BAF706	Tài chính cá nhân/ Personal Finance	Môn học cung cấp các kiến thức tổng quan về hoạt động tài chính cá nhân, lập và phân tích các báo cáo tài chính cá nhân đồng thời phân tích các vấn đề phát sinh gắn liền với hoạt động tài chính cá nhân bao gồm thuế thu nhập tài chính cá nhân, các rủi ro liên quan đến tài sản cá nhân, sức khỏe và gánh nặng tài chính cá nhân, nợ trong hoạt động tài chính cá nhân và hoạt động đầu tư cá nhân. Sinh viên được hướng dẫn các công cụ được sử dụng trong hoạt động tài chính cá nhân để hoạch định và xây dựng kế hoạch tài chính kết hợp với các hành động một cách hiệu quả trong thực tiễn.
21	BAF736	Tiền tệ, Ngân hàng và Công nghệ tài chính/ Money, Banking and Fintech	Tiền tệ, Ngân hàng và Công nghệ Tài Chính là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học đầu tiên giới thiệu các kiến thức cơ bản về Tiền tệ, Ngân hàng như: tổng quan về tiền tệ, sự phát triển của hệ thống thanh toán; Thị trường tài chính và các công cụ trên thị trường tài chính; Ngân hàng thương mại và hoạt động của NHTM; Ngân hàng Trung ương và các chính sách tiền tệ. Sau đó, giới thiệu những kiến thức có bản về Công nghệ tài chính như: Tổng quan về công nghệ tài chính; Tác động của FINTECH đến ngân hàng truyền thống; Hệ sinh thái FINTECH; Công nghệ thúc đẩy FINTECH (Dữ liệu lớn, Trí tuệ nhân tạo, Học máy, Công nghệ chuỗi khối, Open APIs). Nội dung của môn học là những kiến thức cần thiết, quan trọng và làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu các vấn đề về kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế, tài chính - ngân hàng, công nghệ tài chính. Những kiến thức cơ bản về Tiền tệ, Ngân hàng và Công nghệ tài chính, môn học giúp sinh viên hiểu được sự phát triển của hệ thống thanh toán; thị trường tài chính và hệ thống ngân hàng truyền thống; Các chính sách tiền tệ của Ngân hàng Trung ương và ảnh hưởng thay đổi từ sự phát triển của Công nghệ tài chính. Ngoài ra, môn học còn trang bị cho sinh viên khả năng vận dụng được những kiến thức cơ bản về tiền tệ, ngân hàng và công nghệ tài chính trong những môn học thuộc khối kiến thức Ngành và chuyên ngành sau đó.

22	FIN711	Corporate Finance/ Tài chính doanh nghiệp	Tài chính doanh nghiệp là môn học cơ sở ngành nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản phục vụ cho quá trình ra quyết định về tài chính doanh nghiệp. Bắt đầu với việc định nghĩa và phân tích bản chất của tài chính doanh nghiệp, khóa học nhấn mạnh vào việc hiểu rõ các mục tiêu quản trị tài chính và các quyết định chủ chốt liên quan đến đầu tư, tài trợ, và quản trị tài sản. Một phần quan trọng của khóa học là khám phá giá trị theo thời gian của tiền tệ, bao gồm cả việc học cách tính toán lãi suất và ứng dụng trong định giá trái phiếu và cổ phiếu, lập kế hoạch trả nợ, và đánh giá hiệu quả tài chính của dự án đầu tư. Khóa học cũng tập trung vào lợi nhuận và rủi ro, cung cấp cho người học cái nhìn toàn diện về quản lý rủi ro và đầu tư hiệu quả. Cuối cùng, khóa học đề cập đến chi phí vốn và các lý thuyết cơ cấu vốn, giúp người học hiểu rõ cách xác định chi phí vốn và ra quyết định tài trợ trong doanh nghiệp. Toàn bộ nội dung khóa học được thiết kế để không chỉ cung cấp kiến thức lý thuyết mà còn hướng tới việc ứng dụng thực tiễn, chuẩn bị cho sinh viên những kỹ năng cần thiết để thành công trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp.
23	ACC705	Kế toán tài chính/ Financial Accounting	Học phần Kế toán tài chính thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về kế toán của doanh nghiệp sản xuất bao gồm các phần hành cụ thể: kế toán vốn bằng tiền và các khoản thanh toán; kế toán các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất (kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, kế toán tài sản cố định, kế toán khoản phải trả người lao động); kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh; kế toán nguồn vốn chủ sở hữu.

24	ENP318	English For Banking And Finance/ Tiếng Anh chuyên ngành TCNH	Đây là môn học bắt buộc thuộc nhóm môn học chuyên ngành, bao gồm 4 chương nội dung. Môn học được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên các thuật ngữ tiếng Anh sử dụng trong lĩnh vực công nghệ - tài chính. Sinh viên có cơ hội tiếp cận với các kiến thức nền tảng của 2 lĩnh vực này, từ đó sinh viên được thực hành 4 kỹ năng ngôn ngữ chuyên sâu, vận dụng các kiến thức và từ vựng chuyên ngành thông qua các đa dạng hoạt động như thảo luận nhóm, đối thoại, thuyết trình để giải quyết các tình huống thực tế.
25	INE704	Phương pháp nghiên cứu khoa học / Scientific research methods	Phương pháp nghiên cứu khoa học là môn học bắt buộc thuộc nhóm môn học kiến thức cơ sở khối ngành được xây dựng để cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các phương pháp tiến hành hoạt động nghiên cứu một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Cụ thể, môn học sẽ giới thiệu cơ bản về vấn đề nghiên cứu, vai trò của nghiên cứu, cách thức xác định vấn đề nghiên cứu, thực hiện lược khảo tài liệu và các nghiên cứu trước có liên quan; đặt câu hỏi nghiên cứu; đạo đức trong nghiên cứu, cách trích dẫn và trình bày tài liệu tham khảo; thu thập số liệu và chọn mẫu; cách trình bày dữ liệu và lựa chọn thiết kế nghiên cứu với các dạng dữ liệu; cách viết đề cương và báo cáo nghiên cứu
26	BAF739	Foreign Exchange Trading/ Kinh doanh ngoại hối	Kinh doanh ngoại hối là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Môn học sẽ cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu bao gồm: những vấn đề cơ bản về thị trường ngoại hối, các giao dịch cơ bản trên thị trường ngoại hối, thông lệ quốc tế và các văn bản pháp lý trong nước có liên quan; các kiến thức chuyên sâu, thực hành nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối, ứng dụng các giao dịch ngoại tệ trong kinh doanh, bảo hiểm rủi ro tỷ giá thích ứng với xu hướng thay đổi trong lĩnh vực ngân hàng.

27	FIN712	Financial markets and Institutions/ Thị trường TC và ĐCTC	Môn học Thị trường tài chính và các định chế tài chính là môn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của các ngành Tài chính – ngân hàng, Kế toán – Kiểm toán, Kinh tế quốc tế, Hệ thống thông tin quản lý, Thương mại điện tử,... Môn học cung cấp những kiến thức tổng quát về hệ thống tài chính, thị trường tài chính và các định chế tài chính, với nội dung chính bao gồm: đặc điểm của các công cụ tài chính; cách thức tổ chức, hoạt động của thị trường tài chính và các định chế tài chính như: ngân hàng thương mại, ngân hàng đầu tư, công ty bảo hiểm, quỹ đầu tư và một số tổ chức tài chính khác trong hệ thống tài chính.
28	INE307	Tài chính quốc tế/ International Finance	Tài chính quốc tế cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng và kỹ năng nghiên cứu cơ bản về lĩnh vực tài chính quốc tế theo hướng tiếp cận phân tích kinh tế và ứng dụng của tài chính quốc tế trong hoạt động kinh doanh ngày nay. Cấu trúc môn học gồm 3 phần chính. Phần I bao gồm các cơ sở lý thuyết nền tảng của tài chính quốc tế. Phần này sẽ làm rõ và nhấn mạnh mối liên kết chặt chẽ và tương tác liên tục giữa các thị trường và nền kinh tế các nước thông qua các lý thuyết về quan hệ ngang bằng quốc tế giữa giá cả, lãi suất và tỷ giá. Các yếu tố tác động tỷ giá, mô hình tiền tệ về tỷ giá, và các phương pháp dự báo tỷ giá cũng được làm rõ trong phần I. Phần II khảo sát khung cảnh và cấu trúc môi trường tiền tệ và tài chính toàn cầu. Trong phần này, hệ thống tiền tệ quốc tế và thể chế tài chính toàn cầu, cũng như hệ thống các thị trường tiền tệ tài chính toàn cầu là các nội dung sẽ được phân tích. Phần này cũng đề cập vấn đề lưu chuyển vốn quốc tế và kiểm soát lưu chuyển vốn quốc tế của chính phủ các nước. Phần III sẽ chú trọng đến thực hành tài chính quốc tế trong kinh doanh toàn cầu, trong đó hoạt động tài chính của doanh nghiệp quốc tế và quản trị rủi ro tỷ giá sẽ được làm rõ. Ngoài ra, sinh viên thực hành thảo luận xử lý tình huống phân tích ứng dụng liên quan đến quan hệ tài chính quốc tế và rủi ro tỷ giá trong các hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế.

29	BAF740	Fundamentals of programming in economics/ Cơ sở lập trình trong kinh tế	Môn học được thiết kế nhằm mục đích cung cấp cho sinh viên các kiến thức nền tảng của lập trình trong lĩnh vực kinh tế, tài chính. Cụ thể, môn học giới thiệu các thuật ngữ và khái niệm về công nghệ, ngôn ngữ lập trình và thuật toán tiên tiến. Trọng tâm là tổng quan về ngôn ngữ lập trình Python và các trường hợp ứng dụng của nó để truy xuất, chuyển đổi và phân tích thống kê dữ liệu. Môn học được thiết kế để giúp sinh viên làm quen với lĩnh vực lập trình phần mềm nói chung và lĩnh vực phân tích dữ liệu tài chính nói riêng. Từ đó giúp sinh viên có nền tảng lập trình tốt để phục vụ các môn học ngành/chuyên ngành có yếu tố lập trình.
30	BAF741	Financial data structure and algorithms / Cấu trúc dữ liệu tài chính và giải thuật	Cấu trúc dữ liệu tài chính và giải thuật là môn học bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Công nghệ tài chính. Môn học sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về giải thuật và các bài toán tối ưu. Ngoài ra, sinh viên sẽ được tiếp cận với những giải thuật tối ưu cho quy hoạch tuyến tính, quy hoạch động, quy hoạch toan phương cùng với những ứng dụng thiết thực trong tài chính.
31	BAF742	Python programming in banking and finance/ Lập trình Python trong tài chính ngân hàng	Môn học được thiết kế nhằm mục đích cung cấp cho sinh viên các kiến thức nền tảng của lập trình trong lĩnh vực kinh tế, tài chính. Và giúp sinh viên, bất kể chuyên ngành, cảm thấy tự tin chính đáng về khả năng viết các chương trình nhỏ cho phép họ hoàn thành các mục tiêu hữu ích. Môn học sẽ sử dụng ngôn ngữ lập trình Python 3 mới nhất. Môn học cung cấp sự hiểu biết về vai trò của lập trình trong việc giải quyết vấn đề. Giúp sinh viên làm quen với các chương trình tính toán lập trình Python để xử lý các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài chính, kinh tế. Nội dung môn học nhằm giúp sinh viên thành thạo với các kỹ năng lập trình, có thể áp dụng trực tiếp vào các chủ đề quan trọng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Từ đó sinh viên có thể tự tin sử dụng lập trình Python trong các môn chuyên ngành có liên quan đến yếu tố lập trình.

32	BAF722	Banking Operations/ Hoạt động kinh doanh ngân hàng	Môn học sẽ làm rõ sự khác biệt của hoạt động kinh doanh ngân hàng với các định chế tài chính khác; đồng thời, sẽ chi tiết hóa các kỹ năng xử lý tình huống cụ thể giúp sinh viên hiểu rõ hơn đặc trưng kinh doanh của ngành ngân hàng và nghiệp vụ ở từng vị trí nghề nghiệp tại ngân hàng. Hoạt động kinh doanh ngân hàng là môn học bổ trợ kiến thức cho môn học sau (như Marketing dịch vụ tài chính và Quản trị ngân hàng thương mại...). Nội dung chính của môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động kinh doanh của hệ thống ngân hàng trong nền kinh tế hiện đại, giúp người học nắm vững kiến thức nền tảng trong kinh doanh ngân hàng, tạo điều kiện nghiên cứu sâu hơn về từng loại hoạt động của ngân hàng trong các môn học của chuyên ngành ngân hàng.
33	FIN713	Corporate Finance Analysis/ Phân tích tài chính doanh nghiệp	Môn học giải thích và hướng dẫn sử dụng các mô hình phân tích nhằm đưa ra các kết luận đúng đắn về kết quả kinh doanh, sử dụng vốn và tài sản, khả năng thanh toán. Kết quả phân tích cung cấp thông tin hữu ích về sức khỏe của doanh nghiệp, là cơ sở việc đưa ra các quyết định của chủ nợ nhà quản trị và các chủ thể khác.
34	BAF743	Investment Project Appraisal/ Thẩm định dự án đầu tư	Thẩm định dự án đầu tư là môn học thuộc khối kiến thức ngành ngân hàng. Môn học nhằm cung cấp cho người học những kiến thức chuyên môn và kỹ năng thẩm định một dự án đầu tư để đánh giá các yếu tố khả thi về tài chính và phi tài chính của một dự án, từ đó đưa ra được quyết định liệu có nên đầu tư hay cấp tín dụng hay không. Môn sẽ liên quan mật thiết và đóng vai trò nền tảng cho môn học Tài trợ dự án mà sinh viên sẽ học trong các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp sau này.

35	BAF744	Commercial Banking Management/ Quản trị ngân hàng thương mại	Quản trị NHTM là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành và là môn bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Tài chính Ngân hàng, chuyên ngành Ngân hàng; là môn tự chọn trong chương trình đào tạo Công nghệ Tài chính. Môn học gồm những nội dung: tổng quan về quản trị ngân hàng thương mại; kiến thức kinh tế, tài chính, ngân hàng liên quan đến đánh giá hoạt động ngân hàng thông qua báo cáo tài chính; kiến thức chuyên sâu về quản lý tài sản – nợ (ALM), quản lý vốn tự có trong hoạt động quản trị ngân hàng; đồng thời tiếp cận các thông lệ quốc tế liên quan đến việc ứng dụng mô hình quản trị ngân hàng thương mại.
36	BAF745	Digital Marketing in Financial Institutions/ Marketing số trong các định chế tài chính	Marketing số trong các định chế tài chính cung cấp cho người học những các cơ sở lý thuyết và kiến thức thực tiễn về hoạt động marketing đặc thù trong các tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính như: Ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty tài chính, công ty chứng khoán trong kỷ nguyên số. Cụ thể, môn học đề cập sự khác biệt giữa sản phẩm dịch vụ tài chính và sản phẩm dịch vụ khác, giữa marketing truyền thống và marketing số, cũng như quá trình hoạch định chiến lược marketing số cho các định chế tài chính. Qua đó, người học có thể được hiểu các nội dung công việc và các công cụ marketing số dùng trong các định chế tài chính, từ đó vận dụng để lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động tiếp thị cụ thể như phát triển sản phẩm dịch vụ tài chính, định giá, truyền thông quảng cáo... cho một tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính trên các nền tảng số.
37	FIN714	Insurance/ Bảo hiểm	Môn học cung cấp những kiến thức chung nhất về bảo hiểm; nắm và xử lý thành thạo các tình huống có liên quan đến nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm.

38	BAF746	Risk Management in Banking/ Quản trị rủi ro ngân hàng	Môn học trang bị kiến thức chuyên sâu về các loại rủi ro đặc thù trong kinh doanh ngân hàng và quan điểm quản trị rủi ro theo các chuẩn mực quốc tế (ủy ban Basel). Bên cạnh đó, người học sẽ được cung cấp công cụ và kỹ năng phù hợp nhằm nhận dạng, đo lường, giám sát và kiểm soát các loại rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh ngân hàng hiện đại. Nội dung môn học gồm các phần chính: tổng quan về quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng; quản trị rủi ro tín dụng; quản trị rủi ro thị trường; quản trị rủi ro thanh khoản và quản trị rủi ro hoạt động.
39	ACC306	Kế toán ngân hàng/ Bank Accounting	Môn học trang bị kiến thức cơ bản, nền tảng về công tác kế toán các nghiệp vụ chủ yếu tại ngân hàng: kế toán nghiệp vụ tiền mặt, kế toán nghiệp vụ huy động vốn, kế toán nghiệp vụ tín dụng, kế toán dịch vụ thanh toán qua ngân hàng, kế toán nghiệp vụ ngoại tệ và thanh toán quốc tế; các nội dung cơ bản về xác định kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận tại ngân hàng.

40	FIN720	Derivatives and Risk Management/ Tài chính phái sinh và quản trị rủi ro	Khóa học này được thiết kế để giới thiệu sinh viên tài chính về các khía cạnh lý thuyết và thực tiễn của các sản phẩm phái sinh, như hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng hoán đổi và quyền chọn. Đồng thời, khóa học này giúp sinh viên biết cách vận dụng những kiến thức về các sản phẩm phái sinh đã học được để quản trị rủi ro tài chính cho các công ty hoặc cá nhân thông qua các chiến lược khác nhau. Quản trị rủi ro đóng một vai trò quan trọng trong ngành tài chính và là một phần không thể thiếu của ngành này. Khi các thị trường ngày càng phát triển và các công ty ngày càng tăng trưởng thì thách thức đối với việc quản trị rủi ro càng tăng lên. Vì vậy, các công cụ tài chính phái sinh đã được phát triển để quản trị các rủi ro này và trở thành một trong những công cụ quan trọng nhất của tài chính hiện đại, từ quan điểm học thuật lẫn thực tiễn. Khóa học này đòi hỏi sự vận dụng tương đối nhiều các phương pháp định lượng và suy luận lý thuyết. Vì vậy, một số sinh viên có thể gặp nhiều thử thách trong quá trình tham gia khóa học này. Tuy nhiên, sự nhấn mạnh trong khóa học không phải là về toán học và chứng minh các định lý mà là phát triển trực giác của người học, giúp người học hiểu được nguyên tắc vận hành của các công cụ quan trọng này và ứng dụng nó vào việc quản trị rủi ro.
41	BAF306	Thẩm định giá tài sản/ Asset Valuation	Thẩm định giá tài sản là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Môn học nhằm cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về thẩm định giá trị tài sản cho nhiều mục đích khác nhau, trong đó có mục đích bảo đảm vay vốn các tổ chức tín dụng. Môn học này cũng trang bị kỹ năng làm việc nhóm và vận dụng kỹ năng nghề nghiệp vào hoạt động thẩm định giá tại các công ty thẩm định giá và các tổ chức tín dụng.
42	FIN715	Quantitative finance/ Tài chính định lượng	Trang bị cho học viên 5 hệ thống kiến thức cơ bản về tài chính định lượng và sử dụng các ngôn ngữ lập trình Python để xây dựng các mô hình thuật toán trong tài chính định lượng

43	FIN716	Taxation/ Thuế	Môn học giới thiệu cho sinh viên hiểu và vận dụng những kiến thức cơ bản về thuế trên góc độ lý thuyết, hướng dẫn sinh viên phương pháp tính thuế và thảo luận các vấn đề thực tiễn liên quan đến thuế đối với cá nhân, doanh nghiệp và xã hội.
44	BAF747	Principles and techniques in Machine Learning for Fintech/ Nguyên lý và kỹ thuật học máy trong công nghệ tài chính	Nguyên lý và kỹ thuật học máy trong công nghệ tài chính là môn học sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cần thiết về học máy, cả về lý thuyết và thực hành. Đặc biệt, trong môn học này, sinh viên cũng sẽ được cung cấp kiến thức về học sâu, một trong những kiến thức cần có làm hành trang trong kỷ nguyên mới của trí tuệ nhân tạo. Sinh viên sẽ được học cách ứng dụng những mô hình học máy phổ biến trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.
45	BAF748	Blockchain and Cryptocurrencies/ Chuỗi khối và tiền mã hóa	Môn học sẽ bắt đầu bằng giới thiệu về công nghệ chuỗi khối và các khái niệm quan trọng đóng vai trò nền tảng cho tất cả các loại tiền mã hóa. Sinh viên sẽ hiểu được bản chất và những tính chất cơ bản của tiền mã hóa nói riêng cơ chế hoạt động của chuỗi khối nói chung, bao gồm tính phi tập trung, tính năng bảo mật, và đặc biệt là cơ chế đồng thuận của chuỗi khối. Môn học đi sâu vào sự ra đời và sự phát triển của Bitcoin, đồng tiền mã hóa đầu tiên và nổi bật nhất, làm tiền đề cho sự khám phá rộng lớn hơn về hệ sinh thái đa dạng của các đồng tiền mã hóa, bao gồm các Altcoin như Ethereum, Ripple và những đồng tiền mã hóa khác. Ngoài ra, sinh viên sẽ được cung cấp một góc nhìn về tương lai của tiền điện tử cũng như những hạn chế của loại tài sản này.

46	BAF749	Artificial Intelligence in quantitative Trading/ Trí tuệ nhân tạo trong giao dịch định lượng	Trí tuệ nhân tạo trong giao dịch định lượng là môn học thuộc khối kiến thức ngành. Môn học giúp cho người học có khả năng áp dụng các thuật toán, các mô hình định lượng; ứng dụng trí tuệ nhân tạo và học máy; các kỹ thuật phân tích dữ liệu vào trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động giao dịch như chiến lược đầu tư, các sản phẩm tài chính – ngân hàng, xây dựng danh mục đầu tư, dữ liệu, hệ thống kiểm định đều được đặt trong bối cảnh là các giao dịch định lượng cụ thể. Môn học này là sự kết hợp giữa toán học, kỹ năng lập trình, trí tuệ nhân tạo và máy học để phát triển các thuật toán, áp dụng các mô hình định lượng trong hoạt động đầu tư, tài chính và hoạt động kinh doanh ngân hàng.
47	BAF716	Công nghệ quản lý và giám sát trong ngân hàng/ Regulatory Technology and Supervision Technology in banking	Môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho Sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động quản lý và giám sát trong ngân hàng theo thông lệ quốc tế và thực tiễn tại Việt Nam, ứng dụng công nghệ trong hoạt động quản lý và giám sát ngân hàng.

48	BAF750	An toàn vốn và quản trị rủi ro ngân hàng/ Capital adequacy and risk management in banking	An toàn vốn và quản trị rủi ro ngân hàng là một môn học chuyên sâu về các tiêu chuẩn và quy định quốc tế về an toàn vốn ngân hàng và quản lý rủi ro. Sinh viên sẽ được tìm hiểu về vai trò của an toàn vốn trong hoạt động kinh doanh ngân hàng, các tiêu chuẩn và phương pháp đo lường an toàn vốn của các ngân hàng thương mại. Đặc biệt, môn học cũng trình bày quá trình hình thành và phát triển của các phiên bản Hiệp ước an toàn vốn Basel trong hoạt động kinh doanh ngân hàng và tập trung vào các quy định cơ bản của Basel II và III trong quản lý rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro vận hành. Môn học này cũng giúp sinh viên hiểu rõ về các chỉ số vốn và các yêu cầu bổ sung liên quan đến tính toán vốn, đồng thời cung cấp cái nhìn tổng thể về cách các ngân hàng thực hiện việc tuân thủ các tiêu chuẩn Basel.
49	BAF751	Large language models in banking and finance/ Mô hình ngôn ngữ lớn trong tài chính ngân hàng (Từ khoá 12)	Môn học sẽ bắt đầu bằng giới thiệu về lịch sử hình thành của mô hình ngôn ngữ lớn. Sinh viên sẽ được giảng giải tại sao mô hình ngôn ngữ lớn được coi như là một cuộc cách mạng trong trí tuệ nhân tạo nói riêng và công nghệ nói chung. Ngoài ra, sinh viên sẽ được tiếp cận những thành tố tạo nên mô hình ngôn ngữ lớn phổ biến nhất hiện tại là ChatGPT. Đặc biệt, sinh viên sẽ được học về kỹ thuật tạo lệnh và trải nghiệm sự hiệu quả của Prompt.
50	BAF752	Big data analysis in banking and finance/ Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính ngân hàng	Môn học “Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính và ngân hàng” là môn học thuộc khối kiến thức ngành, nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để hiểu và áp dụng phân tích dữ liệu lớn trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng. Qua các ví dụ và tình huống, sinh viên sẽ được làm quen với các phương pháp, công cụ, và ứng dụng thực tế của phân tích dữ liệu lớn để đưa ra quyết định thông minh và tối ưu hóa các quy trình trong ngành.

51	BAF753	Bank Lending/ Tín dụng ngân hàng	Tín dụng ngân hàng là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành và là môn bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Tài chính Ngân hàng, chuyên ngành Ngân hàng; là môn tự chọn trong chương trình đào tạo Công nghệ Tài chính. Môn học gồm những nội dung: tổng quan về hoạt động tín dụng ngân hàng; kiến thức kinh tế, tài chính, ngân hàng liên quan đến thẩm định và quản lý rủi ro tín dụng; kiến thức chuyên sâu về hoạt động xét duyệt và quản lý các hình thức cấp tín dụng đối với khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp; đồng thời tiếp cận các thông lệ quốc tế liên quan đến việc ứng dụng công nghệ trong hoạt động tín dụng ngân hàng.
52	BAF754	International payment/ Thanh toán quốc tế	Môn học gồm những nội dung: tổng quan về hoạt động thanh toán quốc tế; kiến thức thương mại quốc tế liên quan phục vụ cho hoạt động thanh toán quốc tế như Incoterms, hợp đồng ngoại thương, chứng từ tài chính và chứng từ thương mại; kiến thức chuyên sâu về các phương thức thanh toán quốc tế bao gồm chuyển tiền (trả trước, trả sau, CAD), nhờ thu và tín dụng chứng từ.
53	FIN717	Investment Banking/ Nghiệp vụ ngân hàng đầu tư (Từ khoá 12)	Môn học bao gồm 6 chương trình bày những vấn đề cơ bản về ngân hàng đầu tư, cách thức tổ chức hoạt động đồng thời mô tả các nghiệp vụ kinh doanh chính của ngân hàng đầu tư như nghiệp vụ tư vấn mua bán sáp nhập doanh nghiệp, nghiệp vụ hỗ trợ huy động vốn, nghiệp vụ đầu tư, nghiên cứu, quản lý đầu tư, ngân hàng bán buôn và nghiệp vụ nhà môi giới chính.

54	FIN718	Portfolio management/ Quản lý danh mục đầu tư	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản đến chuyên sâu, những công cụ quan trọng và phương pháp tư duy cho hoạt động quản lý tài sản chuyên nghiệp phục vụ trong hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, quản lý tài chính cá nhân. Sinh viên được tiếp cận nền tảng các lý thuyết danh mục đầu tư hiện đại và kỹ năng thực hành về việc xây dựng, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, ra quyết định trong đầu tư tài chính cũng như tư vấn danh mục đầu tư theo yêu cầu của khách hàng, làm cơ sở. Bên cạnh đó, các bài thực hành trên bộ dữ liệu thực tế được cấu trúc đi kèm bài giảng nhằm trang bị những kỹ năng cần thiết và hữu ích cho những sinh viên có định hướng nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực đầu tư tài chính như nhà đầu tư, nhà tư vấn đầu tư chuyên nghiệp, nhà phân tích chứng khoán, nhà quản lý tài sản chuyên nghiệp ... Đây là môn học được giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh trong chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng Chất lượng cao tại trường đại học Ngân hàng TP.HCM.
55	FIN719	Financial Investment/ Đầu tư tài chính	Môn học gồm 4 chương, trang bị cho học viên hệ thống kiến thức lý luận cơ bản và nâng cao về các công cụ đầu tư, phân tích ngành, phân tích công ty cổ phần, định giá doanh nghiệp và cổ phiếu, phân tích và định giá trái phiếu, và phân tích kỹ thuật. Từ đó, học viên có thể vận dụng trong hoạt động đầu tư tại bộ phận tự doanh của công ty chứng khoán hoặc bộ phận đầu tư của quỹ đầu tư hoặc các doanh nghiệp khác. Ngoài ra, còn phục vụ cho việc tự đầu tư hoặc tư vấn đầu tư.

56	INT302	Thực tập cuối khóa ngành Tài Chính Ngân hàng/ Internship in Banking and Finance	Sinh viên sẽ thực hiện quá trình thực tập liên quan đến lĩnh vực tài chính - ngân hàng, chuyên ngành ngân hàng tại các tổ chức tín dụng, ngân hàng hoặc tại các định chế tài chính, doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước về tài chính - tiền tệ của chính phủ... Giảng viên hướng dẫn sinh viên thực hiện nghiên cứu các nghiệp vụ thực tế liên quan đến lĩnh vực tài chính-ngân hàng để đánh giá các nghiệp vụ đang được thực hiện, ứng dụng các kiến thức đã học vào hoạt động kinh doanh và quản lý cụ thể.
57	REP302	Khóa luận tốt nghiệp ngành Tài Chính Ngân hàng / Bachelor's Thesis in Banking and Finance	Khóa luận tốt nghiệp được sinh viên thực hiện với sự hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên lựa chọn đề tài nghiên cứu thuộc lĩnh vực tài chính – ngân hàng. Thông qua quá trình nghiên cứu, sinh viên vận dụng các kiến thức, thông tin và phương pháp để giải quyết các mục tiêu nghiên cứu một cách khoa học. Từ đó giúp sinh viên nâng cao được kỹ năng nghiên cứu, khả năng tự học và góp phần hoàn thiện, giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

17. Hướng dẫn thực hiện

17.1. Dạy và học trực tuyến:

Tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng lớp học trực tuyến.

17.2. Học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh

Các học phần Giáo dục Quốc phòng được thực hiện tương tự như chương trình đại học chính quy ngoại trừ quy định về sĩ số lớp, là điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp, không được sử dụng để tính điểm trung bình chung tích lũy.

Các học phần Giáo dục thể chất 1, Giáo dục thể chất 2 được thực hiện tương tự như chương trình đại học chính quy ngoại trừ quy định về sĩ số lớp. Các học phần Giáo dục thể chất 3,4,5 sinh viên có thể lựa chọn một trong các môn như Tennis, bóng bàn, cầu lông Đây là các học phần điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp, không sử dụng để tính điểm trung bình tích lũy.

17.3. Các môn học kỹ năng mềm:

Sinh viên phải hoàn thành chương trình đào tạo kỹ năng mềm bao gồm 8 tín chỉ. Nhà trường tổ chức chương trình với nhiều học phần kỹ năng mềm cần thiết cho phát triển các nhân và nghề nghiệp tương lai. Sinh viên không phải đóng học phí cho các học phần kỹ năng mềm. Các học phần kỹ năng mềm là điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp, không được sử dụng để tính điểm trung bình chung tích lũy.

17.4. Các môn học tiếng Anh:

Không thiết kế học phần Tiếng Anh căn bản vào trong chương trình. Tiếng Anh chuyên ngành gồm 2 học phần với tổng số 5 tín chỉ: tiếng Anh chuyên ngành 1 (2 tín chỉ) và Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Ngân hàng (3 tín chỉ).

Các học phần Tiếng Anh tăng cường từ 1 đến 7 là bắt buộc, các học phần tiếng Anh tăng cường 8 và 9 là tự chọn theo nguyện vọng của sinh viên. Bắt đầu mỗi khóa học và mỗi năm học, Trường sẽ tổ chức kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu vào của sinh viên. Căn cứ vào kết quả kiểm tra hoặc các chứng chỉ tiếng Anh của sinh viên, Trường sẽ xác định các học phần tiếng Anh tăng cường sinh viên được miễn và các học phần tiếng Anh tăng cường sinh viên phải học.

17.5. Chuẩn Tin học

Điều kiện để học học phần Tin học ứng dụng: Sinh viên phải có Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (hoặc các chứng chỉ khác tương đương theo thông báo của Trường) trở lên, hoặc đạt yêu cầu trong kỳ kiểm tra trình độ Tin học đầu khóa do Trường tổ chức. Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ để chứng minh trình độ tin học theo thông báo của Trường.

Chuẩn Tin học đầu ra: Sinh viên phải có Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao (hoặc các chứng chỉ khác tương đương theo thông báo của Trường). Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ để chứng minh trình độ tin học theo thông báo của Trường.

17.6. Chuẩn tiếng Anh

Điều kiện để học học phần tiếng Anh chuyên ngành: Sinh viên phải đạt điểm theo yêu cầu của Trường thông qua kỳ kiểm tra năng lực tiếng Anh đầu khóa, hoặc các điểm tiếng Anh quốc tế tương đương A2 (TOEIC 350, IELTS

3.5 ...). Sinh viên nộp các chứng chỉ/chứng nhận để chứng minh trình độ ngoại ngữ theo thông báo của Trường. Sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh tối thiểu ở bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương theo danh mục Trường thông báo. Sinh viên nộp các chứng chỉ/chứng nhận để chứng minh trình độ ngoại ngữ theo thông báo của Trường.

17.7 Nghiên cứu khoa học

Trong cả khóa học, mỗi sinh viên CTĐTCLC phải được công nhận hoàn thành hoạt động nghiên cứu khoa học theo Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học đối với sinh viên thuộc CTĐTCLC. Đây là một trong những điều kiện xét công nhận tốt nghiệp.

17.8. Các học phần tự chọn theo định hướng đào tạo

Sinh viên chọn các môn tự chọn theo 2 định hướng đào tạo. Khi đã chọn môn học tự chọn theo định hướng đào tạo nào thì các môn tự chọn tiếp theo cũng phải chọn theo cùng định hướng đó. Các môn tự chọn chia theo định hướng đào tạo bao gồm:

	Định hướng 1	Định hướng 2 (Financial Technology)
Các môn tự chọn đại cương	Tâm lý học/ Psychology	Giới thiệu về khoa học máy tính / Introduction to computer science
Các môn cơ sở ngành	Foreign Exchange Trading/ Kinh doanh ngoại hối	Fundamentals of programming in economics/ Cơ sở lập trình trong kinh tế
	Financial markets and Institutions/ Thị trường TC và ĐCTC	Financial data structure and algorithms / Cấu trúc dữ liệu tài chính và giải thuật
	Tài chính quốc tế/ International Finance	Python programming in banking and finance/ Lập trình Python trong tài chính ngân hàng
Các môn Ngành (sinh viên chọn 3 trong số	Insurance/ Bảo hiểm	Principles and techniques in Machine Learning for Fintech/ Nguyên lý và kỹ thuật học máy trong công nghệ tài chính
	Risk Management in Banking/ Quản trị rủi ro ngân hàng	Blockchain and Cryptocurrencies/ Chuỗi khối và tiền mã hóa

các môn học)	Kế toán ngân hàng/ <i>Bank Accounting</i>	<i>Artificial Intelligence in quantitative Trading/ Trí tuệ nhân tạo trong giao dịch định lượng</i>
	<i>Derivatives and Risk Management/ Tài chính phái sinh và quản trị rủi ro</i>	<i>Công nghệ quản lý và giám sát trong ngân hàng/ Regulatory Technology and Supervision Technology in banking</i>
	<i>Thẩm định giá tài sản/ Asset Valuation</i>	<i>An toàn vốn và quản trị rủi ro ngân hàng/ Capital adequacy and risk management in banking</i>
	<i>Quantitative finance/ Tài chính định lượng</i>	<i>Large language models in banking and finance/ Mô hình ngôn ngữ lớn trong tài chính ngân hàng (Tư khóa 12)</i>

17.9. Tham quan, kiến tập, thực hành

Nhà trường tổ chức cho sinh viên tham quan, thực hành, thực tập tại các tổ chức doanh nghiệp, công ty, cơ sở sản xuất trong hoặc ngoài nước theo kế hoạch.

17.10. Đội ngũ giảng viên

Giảng viên tham gia giảng dạy chương trình chất lượng cao phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của BGD&ĐT và quy định của Trường. Hàng năm Hiệu trưởng sẽ phê duyệt danh sách giảng viên tham gia giảng dạy chương trình tiếng Anh bán phần (CLC). Danh sách này sẽ được Hiệu trưởng phê duyệt theo từng năm học.



DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG

PGS, TS. Nguyễn Đức Trung

KHOA NGÂN HÀNG
TRƯỞNG KHOA

PGS.,TS. Phan Diên Vỹ